

Jan Nattier hợp dịch từ các bản
Hán, Tạng và Sankrit sang Anh văn
Thích Pháp Chánh dịch sang Việt văn

**Bồ tát đạo qua cái nhìn của
một bộ kinh Đại thừa
Kinh Nghi Vấn của
Trưởng Giả Úc Già
(The Bodhisattva Path according to The
Inquiry of Ugra - Ugrapariṣṭchā, a
Mahayana sutra)**

Tường Quang Tùng Thư
Phật lịch 2558, TL. 2015

Thư mục tham khảo

Tiếng Anh:

Nattier, Jan, 2003. *A Few Good Men – The Bodhisattva Path according to The Inquiry of Ugra* (Ugraparipṛcchā). Honolulu: University of Hawai'i Press.

Tiếng Hán:

[KTK] *Đại Bảo Tích Kinh*, quyển 82. Úc Già Trưởng Giả Hội, thứ 19. Tào Ngụy, Tam Tạng Khang Tăng Khải dịch. Đại Chánh Tạng, No. 310[19].

[AH] *Pháp Kính Kinh*. Hậu Hán, An Tức Quốc, Kỵ Đô Ủy An Huyền dịch. Đại Chánh Tạng, No. 322.

[TPH] *Úc Ca La Việt Vấn Bồ Tát Hành Kinh*. Tây Tấn, Nguyệt Chi Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch. Đại Chánh Tạng, No. 323.

Tiếng Việt:

Kinh Đại Bảo Tích, Pháp hội Úc Già Trưởng Giả, 19. HT. Thích Trí Tịnh dịch sang Việt văn.

Kinh Trung A Hàm: Kinh Úc Già Trưởng Giả, số 38 và số 39. HT. Tuệ Sỹ dịch sang Việt văn.

Mục lục

GIỚI THIỆU	5
SỰ TU TẬP CỦA BỒ TÁT TẠI GIA.	9
CHƯƠNG I. BẬC ĐẠI NHÂN.	9
<i>Tiết 1. Bối cảnh.</i>	<i>9</i>
<i>Tiết 2. Úc Già đặt câu hỏi.</i>	<i>11</i>
<i>Tiết 3. Quy y.</i>	<i>13</i>
<i>Tiết 4. Quy y (tiếp theo).</i>	<i>15</i>
<i>Tiết 5. Việc lành.</i>	<i>17</i>
<i>Tiết 6. Quan điểm của Bồ tát.</i>	<i>19</i>
CHƯƠNG 2. GIỚI PHÁP	22
<i>Tiết 7. Mười một giới.</i>	<i>22</i>
CHƯƠNG 3. LƯƠNG Y	26
<i>Tiết 8. Bồ tát trong xã hội.</i>	<i>26</i>
CHƯƠNG 4. ĐỜI SỐNG TẠI GIA Ô TRƯỞC	29
<i>Tiết 9. Họa hoạn của đời sống tại gia.</i>	<i>29</i>
CHƯƠNG 5. BỐ THÍ	33
<i>Tiết 10. Công đức bố thí.</i>	<i>33</i>
<i>Tiết 11. Nghi tưởng khi thấy người hành khất.</i>	<i>34</i>
<i>Tiết 12. Không dính mắc với người và vật.</i>	<i>38</i>
<i>Tiết 13. Tu tập sự nhàm tởm người vợ mình.</i>	<i>40</i>
<i>Tiết 14. Tu tập sự nhàm chán người con mình.</i>	<i>48</i>
<i>Tiết 15. Đối xử với người hành khất như thế nào.</i>	<i>51</i>
<i>Tiết 16. Nghi thức Tam Tụ [Sám] Pháp.</i>	<i>52</i>
<i>Tiết 17. Khi chur tăng vi phạm giới luật.</i>	<i>53</i>
CHƯƠNG 6. TÔN KÍNH THÁP MIẾU	55
<i>Tiết 18. Khi đến tu viện.</i>	<i>55</i>
<i>Tiết 19. Sự tương phản giữa đời sống tại gia và đời sống xuất gia.</i>	<i>56</i>

<i>Tiết 20. Khi đến tu viện (tiếp theo).</i>	63
<i>Tiết 21. Trưởng giả Úc Già và đồng bạn thọ giới (phần 1).</i>	68
SỰ TU TẬP CỦA BỒ TÁT XUẤT GIA	71
CHƯƠNG 7. BIẾT ĐỦ.	71
<i>Tiết 22. Sự tu tập của Bồ tát xuất gia.</i>	71
<i>Tiết 23. Bốn thánh chủng.</i>	72
<i>Tiết 24. Bốn thánh chủng và những sự tu tập khổ hạnh khác..</i>	75
CHƯƠNG 8. AN TRÚ NƠI A LAN NHÃ	79
<i>Tiết 25. Công đức của sự an trú nơi a lan nhã.</i>	79
<i>Tiết 26. Hành xử đối với các vị xuất gia khác, và các vị đạo sư.</i>	89
<i>Tiết 27. Giới pháp thanh tịnh của Bồ tát xuất gia.</i>	92
<i>Tiết 28: Thiền định thanh tịnh của Bồ tát xuất gia.</i>	94
<i>Tiết 29. Trí tuệ thanh tịnh của Bồ tát xuất gia.</i>	95
<i>Tiết 30. Trưởng giả Úc Già và đồng bạn thọ giới (phần 2).</i>	95
<i>Tiết 31. Bồ tát tại gia làm thế nào để sống đời sống của bậc xuất gia.</i>	97
<i>Tiết 32: Đối thoại với ngài A nan.</i>	98
<i>Tiết 33. Đề tựa của kinh.</i>	100
<i>Tiết 34. Phản ứng của đại chúng.</i>	103
<i>Tiết 35. Lời kết.</i>	103

Giới thiệu

Trong hàng trăm bộ kinh điển Đại thừa, Kinh Trưởng Giả Úc Già là một trong những bộ kinh có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất. Kinh này là một trong những bộ kinh được truyền từ Ấn độ sang Trung hoa sớm nhất, và theo những bản Mục Lục truyền thống về những kinh điển đã được phiên dịch ở Trung hoa, thì từ thế kỷ thứ hai đến thế kỷ thứ sáu, bộ kinh này được phiên dịch sang tiếng Hán ít nhất là sáu lần. Vào khoảng giữa thế kỷ thứ ba, bộ kinh này trở nên danh tiếng đến nỗi ngài Khương Tăng Khải, một trong những nhà phiên dịch nổi tiếng thời đó, đã viết một bài tựa và soạn một bộ chú giải [cho nó]. Còn ở Ấn độ, Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận (một bộ biên tập về Bồ tát hạnh, được tương truyền là do ngài Long Thọ biên soạn), đã trích dẫn kinh này nhiều hơn bất cứ các nguồn tư liệu nào khác. Ngay cả đến thế kỷ thứ tám, ít nhất là sáu trăm năm sau khi bộ kinh này được kết tập (dựa trên niên lịch của lần đầu tiên được dịch sang tiếng Hán), Kinh Trưởng Giả Úc Già vẫn được nhiều nhà học giả Đại thừa ở Ấn độ trích dẫn, chẳng hạn như trong Tập Bồ Tát Học Luận (một bộ biên tập khác về Bồ tát hạnh) của ngài Tịch Thiên (Shantideva), Kinh Trưởng Giả Úc Già được trích dẫn nhiều nhất.

Bộ kinh này xuất hiện rất sớm, vào thời kỳ sơ khai của Phật pháp Đại thừa. Lúc ấy, chưa có sự phân

cách giữa Thanh văn và Đại thừa, các nhà sư của hai phái vẫn còn có thể cùng nhau sinh hoạt trong một tăng đoàn. Sự khác biệt giữa hai bên chỉ là lý tưởng giải thoát, và sự tu tập Bồ tát đạo chỉ được xem là một “tự nguyện cá nhân.” Và sự hành trì lý tưởng Đại thừa đều được mọi người trong tăng đoàn công nhận là điều thích đáng cho những hành giả có khả năng “đặc thù”, và chưa hề bị xem là “phi Phật pháp.”

Tuy những nhân vật chính trong bộ kinh này đều là người tại gia, nhưng điểm đặc sắc và chính yếu của bộ kinh này lại là sùng thượng hình ảnh của những hành giả xuất gia tu hạnh a lan nhã. Về phần nội dung, kinh này được phân làm hai phần là (1) Sinh hoạt của Bồ tát tại gia, và (2) Sinh hoạt của Bồ tát xuất gia. Phần sinh hoạt của Bồ tát tại gia phản ánh rất nồng hậu phong khí tu tập hạnh tiết dục và viễn ly vẫn còn rất thịnh hành thời bấy giờ, khoảng năm sáu trăm năm sau khi đức Thế tôn nhập diệt. Tuy nhiên, trong phần này vẫn hàm chứa một vài tư tưởng phóng khoáng và cấp tiến, mà ngay các bộ Bồ tát giới xuất hiện sau này vẫn chưa dám đề cập đến, chẳng hạn như vấn đề bố thí rượu cho người khác, mà trong Giới Bồ tát Phạm Võng và Giới Bồ tát Tại Gia lên án khắc khe.

Nếu người đọc muốn tìm trong đây những chỉ dẫn sinh hoạt đầm ấm của một gia đình Phật tử tại gia lý tưởng thì họ sẽ hoàn toàn thất vọng, vì mục tiêu của

người tại gia trong quyển kinh này là tuyệt đối ly dục, tuy mang hình tướng tại gia, nhưng lại hoàn toàn sống cuộc đời của bậc xuất gia. Điều này hoàn toàn tương phản với lập trường của Kinh Tại Gia Bồ Tát Giới (còn gọi là Kinh Ưu Bà Tắc Giới), trong đó đức Phật chỉ dạy tường tận đường hướng sinh hoạt của hàng Phật tử tại gia hoàn toàn tách biệt với hàng ngũ xuất gia.

Một điều đặc sắc và thích thú nữa mà kinh này nêu lên là trưởng giả Úc Già, sau khi lãnh hội lời đức Phật giảng dạy về công hạnh tu tập của bậc xuất gia, tuy đã phát tâm tu hạnh xuất ly và thọ nhận giới thể tỳ kheo, đã chọn đời sống tại gia để “hóa độ người khác xuất gia”, như trong đoạn đối thoại giữa trưởng giả Úc Già và ngài A Nan đã nêu rõ. Đây chính là một ví dụ điển hình cho những phương tiện “cực kỳ” thiện xảo của các Bồ tát thị hiện hình tướng tại gia để hóa độ chúng sanh. Chúng ta không thể cho đây là một mô hình lập dị, mà nên hiểu đó là một phương tiện độ sanh không thể nghĩ bàn, tương tự như hình ảnh của ngài Duy Ma Cật xuất hiện trong kinh điển Đại thừa sau này.

Bản dịch tiếng Anh, A Few Good Men – The Bodhisattva Path according to The Inquiry of Ugra - của giáo sư Jan Nattier là một công trình nghiên cứu rất nghiêm túc và tỉ mỉ. Giáo sư đã nhiều năm nghiên cứu và đã dày công so sánh các bản dịch tiếng Hán, tiếng Tây tạng và tiếng Phạn (trích lục từ

Tập Bồ Tát Học Luận của ngài Tịch Thiên). Chúng tôi đã may mắn tìm được bản dịch tiếng Anh này, và không quản tài học thô thiển, đã mạo muội phiên dịch sang tiếng Việt, sau khi đã tham khảo thêm các bản chữ Hán, và các bản dịch tiếng Việt của HT. Thích Trí Tịnh và HT. Tuệ Sỹ (Kinh Trung A Hàm). Tuy chúng tôi đã cố gắng hết sức, nhưng vì năng lực có hạn nên bản dịch này ắt hẳn còn nhiều sai sót. Kính mong được các bậc cao minh rộng lòng từ bi chỉ chánh.

Lập đông, 2015

Tường Quang Tự
Thích Pháp Chánh

Kinh Nghi Vấn Của Trưởng Giả Úc Già

**Tiếng Phạn: Ārya-ugra-paripṛcchā-nāma-
mahāyāna-sūtra**

**Tiếng Tây tạng: Thánh Đại Thừa Kinh tụng đề
Nghi Vấn Của Trưởng Giả Úc Già**

Sự tu tập của Bồ tát tại gia.

Phần Một

Kính lễ chư Phật và chư Bồ tát.

Chương I. Bậc đại nhân.

Tiết 1. Bối cảnh.

[1A] Tôi nghe như vậy vào một thời. Đức Phật đang ở thành Xá Vệ, tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ Đà, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ kheo, và năm ngàn vị đại Bồ tát là các ngài Bồ tát Di Lạc, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ tát Phá Ác Thú (Skt: Apāyajaha), Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Đắc Đại Thế, v.v...

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn, được trăm ngàn đại chúng cung kính vây quanh, đang giảng dạy chánh pháp. Và ngài giảng dạy đầy đủ, thấu đáo [chánh pháp] thuần thiện, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện,

nghĩa [lý] thiện, văn tự thiện, thanh tịnh, hoàn hảo, thuần túy, không cấu nhiễm.

[1B] [Lúc ấy, trong thành Xá Vệ, có một vị trưởng giả tên Úc Già (Skt: Ugra).] Trưởng giả Úc Già cùng với năm trăm quyến thuộc, từ thành Xá Vệ đi đến nơi Phật ngự, tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ Đà. Sau khi đến nơi, bèn đánh lễ chân Phật, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi ngồi về một phía. Cùng lúc ấy, các vị trưởng giả khác, như trưởng giả Ái Kính, trưởng giả Danh Xung, trưởng giả Thiện Dữ, trưởng giả Da Xa Đạt Đa (Skt: Yośadatta), trưởng giả Ái Hành, trưởng giả Thiện Tài (Skt: Sudhana), trưởng giả Cấp Cô Độc (Skt: Anāthapiṇḍada), trưởng giả Long Đứơc (Skt: Nagaśrī), trưởng giả Thật Hỷ¹, v.v... Các vị trưởng giả này cùng với rất nhiều các vị trưởng giả khác, mỗi vị cùng với năm trăm quyến thuộc, từ thành Xá Vệ đến nơi Phật ngự, tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ Đà. Sau khi đến nơi, tất cả đều đánh lễ chân Phật, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, và ngồi về một phía.

Các vị trưởng giả ấy cùng hàng quyến thuộc đông đảo của họ đã đặt niềm tin nơi Đại thừa, đã trồng thiện căn sâu dày, và đã đạt được quyết định nơi đạo Vô thượng. [Chỉ trừ ông Cấp Cô Độc.]²

¹ Danh sách của các vị trưởng giả, mỗi bản dịch đều khác nhau, hiện nay [người dịch] theo danh sách của bản [KTK].

² Câu này chỉ có trong bản [AH].

Tiết 2. Úc Già đặt câu hỏi.

[2A] Bấy giờ, trưởng giả Úc Già biết các trưởng giả khác đã tập hội xong, nương oai thần của đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén y bày vai bên phải, quỳ xuống chấp tay, hướng về phía Phật và bạch rằng: “Bạch đức Thế tôn. Nay con muốn được hỏi đức Thế tôn, Như lai, Ứng cúng, Chánh đẳng giác, một sự việc. Kính mong đức Thế tôn cho phép con nói.”

Sau khi trưởng giả Úc Già nói xong, đức Thế tôn bèn nói với ông ấy: “Này trưởng giả, đức Như lai cho phép ông hỏi. Này trưởng giả, hãy hỏi đức Như lai, [Ứng cúng, Tam miệu tam phật đà] tất cả những gì ông muốn, và ta sẽ trả lời rõ ràng cho ông hoan hỷ.”

[2B] Sau khi đức Phật nói lời ấy xong, trưởng giả Úc Già bèn bạch đức Thế tôn rằng: “Bạch đức Thế tôn, các thiện nam tử, thiện nữ nhân phát tâm Vô thượng bồ đề, tin sâu Đại thừa, an trụ Đại thừa, muốn chứng ngộ Đại thừa, muốn thâm nhập Đại thừa, muốn thệ nguyện Đại thừa;

[2C] “Những người vì muốn chăm sóc, an ủi, và bảo vệ tất cả hữu tình, tìm cầu áo giáp của Bồ tát; những người, vì lợi lạc cho tất cả hữu tình, gánh vác trọng trách vĩ đại, lập thệ nguyện rằng:

*Ta sẽ cứu vớt những ai chưa được cứu vớt,
Ta sẽ giải thoát những ai chưa được giải thoát,
Ta sẽ an ủi những ai chưa được an ủi,
Ta sẽ giúp cho những ai chưa nhập Niết bàn được
nhập Niết bàn,*

và những người đã được an lập trong thế nguyện vĩ đại này, những người đã nghe được trí tuệ vô tận của đức Như lai, muốn tìm cầu áo giáp [của Bồ tát] để đạt được trí tuệ vô tận này; những người tuy biết rõ lỗi lầm của sinh tử, dùng tâm không dao động, an trụ trong sinh tử trải qua vô số kiếp mà không hề khiếp sợ - đối với những người đó, bạch đức Thế tôn, trong những thiện nam tử, thiện nữ nhân an trụ trong Bồ tát thừa, có những người lìa bỏ gia đình mà tích tập những công hạnh giải thoát, và có những người tích tập những công hạnh giải thoát ngay trong sinh hoạt của hàng tại gia. Bạch đức Thế tôn, vì lòng hộ trì Đại thừa, thương xót hàng trời, người, a tu la, để giữ cho mệnh mạch Đại thừa không bị đứt đoạn, để cho dòng giống Phật đà được nối tiếp lâu dài, con cúi xin đức Thế tôn giải thích những công hạnh đặc thù mà hàng Bồ tát tại gia chúng con phải tu tập.

[2D] “Làm thế nào để Bồ tát tại gia, trong lúc còn sống trong gia đình, tu tập đúng theo lời dạy của đức Như lai, mà không bị tổn hoại, hoặc thoái sụt những phẩm hạnh cho sự giác ngộ, không phạm vào những tội chướng trong đời này, và được thăng

tiến trong đời vị lai? Bạch đức Thế tôn, còn những Bồ tát lìa bỏ gia đình, xả bỏ tất cả thân sơ, cạo râu tóc, đắp y hoại sắc, và với niềm tin chân thật, dũng mãnh lìa bỏ gia đình để sống đời sống không gia đình. Xin ngài giải thích những người ấy làm thế nào để tu tập Phật pháp và nghiêm trì giới luật, xuyên qua những lời dạy bảo và dẫn dò [của đức Phật]. Các vị Bồ tát tại gia và Bồ tát xuất gia phải sinh hoạt và tu tập như thế nào?”

[2E] Sau khi trưởng giả Úc Già nói lời ấy xong, đức Thế tôn nói với ông ấy như sau: “Lành thay, lành thay, này trưởng giả! Ông đã khéo hỏi đức Như lai những việc như vậy. Ông hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ, ta sẽ giải thích cho ông rõ Bồ tát tại gia và Bồ tát xuất gia làm thế nào an trụ trong các hạnh lành và họ phải nên tu tập như thế nào.”

- Xin đức Như lai hãy nói.

Trưởng giả Úc Già cung kính lắng nghe, và đức Thế tôn đã giảng dạy như sau.

Tiết 3. Quy y.

[3A] “Này trưởng giả, một Bồ tát đang sống tại gia, phải nên quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, và nên hồi hướng thiện căn phát sinh từ sự quy y này đến Vô thượng bồ đề.

[3B] “Này trưởng giả, thế nào là Bồ tát tại gia quy y Phật? Này trưởng giả, bằng cách tưởng nghĩ như thế này: ‘Ta phải chứng được thân Phật trang nghiêm với ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại trượng phu’, và bằng cách tích tập những thiện căn (Anh: roots-of-goodness) để thành tựu ba mươi tướng tốt của bậc trượng phu, đây gọi là Bồ tát tại gia quy y Phật.

[3C] “Này trưởng giả, thế nào là Bồ tát tại gia quy y Pháp? Này trưởng giả, bằng sự cung kính chánh pháp, dùng chánh pháp làm đối tượng tu học, mong cầu chánh pháp, hoan hỷ và ưa thích chánh pháp, quan tâm đến chánh pháp, thiên trọng chánh pháp, tăng trưởng chánh pháp, bảo vệ chánh pháp, trụ trì chánh pháp, an trụ trong sự tu tập và thành tựu chánh pháp, thông đạt chánh pháp, tìm tòi chánh pháp, đạt được năng lực của chánh pháp, có được thanh kiếm [trí tuệ] của chánh pháp, tu tập tất cả công hạnh đều vì chánh pháp, và khi có được những đức tánh như vậy, tâm niệm như sau: “Khi tôi chứng đắc Vô thượng bồ đề, tôi sẽ bình đẳng ban bố chánh pháp đến tất cả trời, người, a tu la, v.v...” Này trưởng giả, đây gọi là Bồ tát tại gia quy y Pháp.

[3D] “Này trưởng giả, thế nào là Bồ tát tại gia quy y Tăng? Này trưởng giả, Bồ tát tại gia khi quy y Tăng, nếu thấy các tỳ kheo Tu đà hoàn, hoặc Tư đà hàm, hoặc A na hàm, hoặc A la hán, hoặc các tỳ kheo phàm phu tu tập Thanh văn thừa, Duyên giác thừa,

hoặc Đại thừa đều tỏ lòng tôn sùng, kính trọng bằng cách đứng dậy chào đón, nói lời hòa nhã, đối xử lễ độ. [Bồ tát tại gia] bày tỏ sự tôn trọng đối với những tỳ kheo [Thanh văn thừa hoặc Duyên giác thừa] mà mình gặp gỡ hoặc tiếp xúc, trong tâm nghĩ rằng ‘Khi tôi chứng đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, tôi sẽ giảng dạy chánh pháp để thành tựu quả vị Thanh văn hoặc Bích chi phật cho họ.’ Như vậy, Bồ tát tại gia đối xử lễ độ và cung kính với các tỳ kheo, không gây phiền toái cho họ³. Đây gọi là Bồ tát tại gia quy y Tăng.

Tiết 4. Quy y (tiếp theo).

[4A] “Lại nữa, này trưởng giả, nếu Bồ tát tại gia có đủ bốn việc thì gọi là quy y Phật. Thế nào là bốn? (1) Không thoái thất tâm Bồ đề; (2) không xả bỏ thệ nguyện; (3) không xa lìa tâm Đại bi; và (4) không quan tâm đến các thừa khác. Này trưởng giả, nếu Bồ tát tại gia có đủ bốn việc này thì gọi là quy y Phật.

[4B] “Lại nữa, này trưởng giả, nếu Bồ tát tại gia có đủ bốn việc thì gọi là quy y Pháp. Thế nào là bốn? (1) Nương tựa và thân cận các bậc thầy giảng pháp, cung kính đảnh lễ, lắng nghe chánh pháp; (2)

³ Không gây phiền toái cho họ (Anh: not causing them any trouble): Bản [AH] nói: “không đổ kỵ với họ”; bản [TPH] nói: “không có ý khinh mạn”; bản [KTK] nói: “nhưng tâm không an trụ trong [pháp Thanh văn].”

nghe xong, suy ngẫm thấu đáo; (3) sau khi nghe và thâm nhập, giảng nói chánh pháp cho người khác nghe; và (4) chuyển hóa thiện căn phát sinh từ sự tu tập chánh pháp để chứng đắc Vô thượng bồ đề. Nay trưởng giả, Bồ tát tại gia có đủ bốn việc này thì gọi là quy y Pháp.

[4C] “Lại nữa, này trưởng giả, nếu Bồ tát tại gia có đủ bốn việc thì gọi là quy y Tăng. Thế nào là bốn? (1) Đối với người chưa quyết định vào Thanh văn thừa thì nên khiến họ phát tâm Vô thượng bồ đề; (2) đối với người ham mê dục lạc thì nên khiến họ ham mê chánh pháp; (3) nương tựa vào tăng đoàn Bồ tát bất thoái chuyển, mà không nương vào tăng đoàn Thanh văn; và (4) nỗ lực tu tập đức hạnh của Thanh văn, nhưng không ưa thích con đường giải thoát của họ. Nay trưởng giả, nếu Bồ tát tại gia đầy đủ bốn việc này thì gọi là quy y Tăng.

[4D] “Lại nữa, này trưởng giả, nếu Bồ tát tại gia thấy được hình tướng của Như lai, bèn nhớ nghĩ đến Phật, đây gọi là quy y Phật. Nếu sau khi nghe chánh pháp, bèn nhớ nghĩ đến chánh pháp, đây gọi là quy y Pháp. Nếu sau khi gặp được đệ tử Thanh văn của Phật, bèn nhớ nghĩ đến tâm Vô thượng bồ đề, đây gọi là quy y Tăng.

[4E] “Lại nữa, này trưởng giả, nếu Bồ tát tại gia, vì muốn thân cận chư Phật mà bố thí, đây gọi là quy y Phật. Nếu bố thí vì muốn bảo hộ chánh pháp,

đây gọi là quy y Pháp. Nếu hồi hướng công đức bố thí đến Vô thượng bồ đề, đây gọi là quy y Tăng.

Tiết 5. Việc lành.

[5A] “Lại nữa, Bồ tát tại gia nên tu tập công hạnh của bậc thiện nhân, chứ không làm hành vi của kẻ bất thiện. Thế nào là công hạnh của bậc thiện nhân và hành vi của kẻ bất thiện? Đây trường giả, Bồ tát tại gia tích tập tài sản đúng với chánh pháp, chứ không tích tập tài sản một cách phi pháp. Tích tập một cách công bằng, chứ không phải do sự bất công. Theo đuổi những nghề nghiệp chân chánh, chứ không phải những công việc bất lương. Không tổn hại đến kẻ khác bằng sự tích tụ tài sản chánh đáng của mình⁴. Bằng sự tu tập ý niệm vô thường, Bồ tát tại gia đạt được sự bền chắc (Anh: substance) của tài sản⁵. Vì thế Bồ tát tại gia cung kính cha mẹ, chia sẻ tài sản cho vợ con, tôi tớ, nhân viên, và người giúp việc. Bồ tát tại gia tôn trọng, tin tưởng bạn bè, những người tín cẩn, bà con họ hàng. Và bằng sự dẫn dắt họ vào chánh pháp, Bồ tát tại gia tăng gia sự khoan hậu của chính mình.

[5B] “Lại nữa, này trường giả, Bồ tát tại gia nỗ lực gánh vác trọng trách bằng cách gánh vác gánh

⁴ Ngay trong khi tích tập tài sản một cách chánh đáng, Bồ tát cũng không nên làm tổn hại kẻ khác. (Người dịch)

⁵ Vì không tham luyến tài sản, cho nên Bồ tát có thể tích tập tài sản và dùng nó vào những ý nghĩa tốt đẹp. (Người dịch)

nặng ngũ ấm của tất cả chúng sinh. Và Bồ tát đảm nhiệm trọng trách đó như sau: không bài trừ [những người trong hàng ngũ] Thanh văn thừa và Duyên giác thừa, Bồ tát nỗ lực gánh trọng trách của chính mình. Bồ tát không bị nhọc sức bởi những hữu tình đã thành thực [trên con đường giải thoát]; không cầu sự an vui cho chính mình, mà khiến cho mọi chúng sanh đều được an vui. Không bị dao động bởi sự lợi lạc hoặc mất mát, danh dự hoặc hủy báng, khen ngợi hoặc chê bai, sung sướng hoặc khổ sở, Bồ tát siêu vượt pháp thế gian. Bồ tát không kiêu căng khi trở nên giàu có, mà cũng không nản lòng vì không thu hoạch được lợi nhuận, danh vọng hoặc ngợi khen. Bồ tát hành xử cẩn trọng và gìn giữ những gì thu hoạch được. Bồ tát không vui mừng khi làm việc sai quấy, với tâm không bám víu [vào sự sai quấy], Bồ tát chỉ quán sát sự sinh khởi của nó. Vì tâm không bị lay động, cho nên Bồ tát hoàn thành những gì đã hứa.

[5C] “Bồ tát làm tất cả những gì cần phải làm cho người khác, và cự tuyệt những việc phải làm cho chính mình. Khi làm bất cứ việc gì cho người khác, Bồ tát không mong đợi sự đền bù, mà cũng không trả đũa khi bị người khác làm tổn hại. Bồ tát biết ơn và cảm tạ những gì người khác làm cho mình. Bồ tát làm những việc thiện lành, phân phối của cải cho người nghèo, hàng phục sự kiêu mạn của những người thế lực, và an ủi những kẻ đang lo sợ bằng sự dũng mãnh. Đối với những người đang

bị sàu nã, Bồ tát nhỏ bỏ mũi tên sàu nã. Kiên nhẫn chấp nhận những người yếu đuối. Để dứt trừ sự kiêu ngạo và dối trá, Bồ tát lễ độ đối với bậc sư trưởng, gần gũi với những người có học vấn, và học hỏi từ những bậc trí tuệ. Bồ tát có kiến giải trung chánh, và luôn luôn kiên định. Hoàn toàn không dối trá và mưu mẹo, Bồ tát không bao giờ nhàm chán trong việc tìm tòi những gì khả ái và đạo đức trong tất cả mọi hữu tình, và Bồ tát không bao giờ thoả mãn với sở học của chính mình.

[5D] “Bồ tát có trách nhiệm vững chắc đối với những công việc đang làm. Kết giao với những người cao quý (Anh: noble), và thiết tha thương xót những người hèn kém. Bồ tát làm người bạn sốt sắng, và tỏ ra công bình đối với bạn bè và những người không quen biết. Bồ tát không bỏn sẻn Phật pháp, giảng giải Phật pháp đúng như những gì mình đã nghe, và sau [mỗi] khi nghe pháp đều suy tư nghĩa lý.

Tiết 6. Quan điểm của Bồ tát.

[6A] “Bồ tát quan niệm rằng tất cả các sự hưởng thụ và thú vui vật chất đều là vô thường; thân xác của chính mình không đáng được quan tâm; cuộc đời chỉ giống như hạt sương, và tài sản cũng tựa như huyền ảo, như quá nắng. [Bồ tát xem những người thân thuộc trong gia đình như kẻ

thù.]⁶ Xem vợ con như những tội nhân của địa ngục A tỳ. Bồ tát xem công việc quản lý gia đình và ruộng vườn, cùng sự sở hữu nhiều loại y phục như gặp phải sự bất hạnh. Bồ tát xem sự mưu cầu tài sản như sự phá hoại thiện căn. Xem nhà ở của mình như một kẻ sát nhân (Anh: a murderer). Xem bè bạn, thân tín, họ hàng, quyến thuộc như những ngục tốt nơi cõi địa ngục. Ngày đêm Bồ tát suy ngẫm [như thế này]:

[6B] “Bồ tát nghĩ tưởng về việc đem thân không bền chắc đổi lấy sự bền chắc, đem cuộc sống không bền chắc đổi lấy sự bền chắc, đem tài sản không bền chắc đổi lấy sự bền chắc. Thế nào là nghĩ tưởng việc đem thân không bền chắc đổi lấy sự bền chắc? Đó là vui vẻ làm tất cả những gì cần phải làm cho người khác, nói năng lễ độ với bậc sư trưởng, bày tỏ sự cung kính đối với họ, như khởi thân, chấp tay, cúi đầu, v.v... Đây gọi là ‘nghĩ tưởng về việc đem thân không bền chắc đổi lấy sự bền chắc.’ Thế nào là nghĩ tưởng về việc đem cuộc sống không bền chắc đổi lấy sự bền chắc? Đó là không hủy hoại những thiện căn đã được vun trồng từ trước, mà phải khiến cho chúng tăng trưởng. Đây gọi là ‘nghĩ tưởng về việc đem cuộc sống không bền chắc đổi lấy sự bền chắc.’ Và thế nào là nghĩ tưởng về việc đem tài sản không bền chắc đổi lấy sự bền chắc? Đó

⁶ Chỉ có trong bản [AH] và [TPH]. Bản [TPH] đọc là “những người thân thuộc và khách khứa”.

là điều phục tâm bỏn sẻn, tăng trưởng tâm thí xả, và tu tập bố thí. Đây gọi là ‘nghĩ tưởng về việc đem tài sản không bền chắc đổi lấy sự bền chắc.’ Đây tưởng giả, bằng cách này, Bồ tát tại gia tu tập công hạnh của bậc thiện nhân, mà không hành xử như người hạ tiện. Nếu Bồ tát tu tập như vậy, sẽ không bị chur Như lai quở trách, mà lại được khen ngợi là người nói năng chính chắn và hợp với chánh pháp. Cho nên Bồ tát không nên lãng quên, hoặc xả bỏ thệ nguyện cầu chứng đắc Vô thượng bồ đề, [trong đời này các công hạnh không phạm lỗi lầm, và trong đời vị lai sẽ tiến bộ trên con đường Bồ đề.]

Chương 2. Giới pháp

Tiết 7. Mười một giới.

[7A] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát tại gia thọ trì tất cả các điều giới như sau. Thọ trì năm giới,

(1) “Không được sát hại sinh mạng, xả bỏ dao gậy, có tâm hổ thẹn và tâm từ bi, bốn tánh không tổn hại tất cả sinh mạng, và có tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Bồ tát luôn luôn an trụ trong tâm từ.

(2) “Không được lấy trộm của kẻ khác. Thỏa mãn với những gì mình hiện đang có, không mong muốn tài vật của kẻ khác, không có tâm thèm muốn và tham lam, và không ưa thích tài sản của kẻ khác, Bồ tát không lấy trộm của người khác, dù chỉ là một lá cây, một ngọn cỏ.

(3) “Đối với sự tham muốn, không được có hành vi bất chánh. Thỏa mãn với vợ của mình, và không thèm muốn vợ người khác. Nhìn [họ] với đôi mắt坦然 nhiên, Bồ tát nghĩ rằng ‘kích động (Anh: agitation) và tham dục, thật sự chỉ là khổ não’, và nỗ lực tu tập tâm lạnh nhạt (Anh: dispassionate) [đối với sự tham dục], và khi khởi lên sự thèm muốn đối với vợ mình, vì biết đó là sự tác động của phiền não, lúc ấy Bồ tát phải nên quán sát người vợ của mình là bất tịnh, và quán sát sự thèm muốn của mình với

tâm sợ hãi. Nhận thức rằng người vợ mình không phải là một đối tượng để ôm giữ bởi sự thèm muốn, nghĩa là quán sát [người vợ] là vô thường, khổ đau, vô ngã, và bất tịnh. Bồ tát nên nghĩ như sau: ‘Ta không thể hành động theo sự tham muốn, dù chỉ là khởi tâm nghĩ tưởng về nó, huống gì là thật sự tham gia vào việc hành dục, hoặc sự ân ái vợ chồng? Không, ta không nên làm như thế.’

(4) “Bồ tát không nên nói dối. Nói lời chân thật, hành xử đúng như lời đã nói, không lừa dối [kẻ khác], và với sự thận trọng, ghi nhớ và sáng suốt, Bồ tát nói đúng với những gì mình đã thấy và nghe. Với tâm bảo hộ chánh pháp, Bồ tát không nên nói những gì không đúng sự thật, dù là để bảo hộ sinh mạng của chính mình.

(5) “Bồ tát không nên uống những chất say, như rượu, hèm, v.v... Bồ tát không say sưa, hoặc phát cuồng, hoặc ngớ ngẩn, hoặc ngu ngơ, hoặc phát cáu, hoặc luông tuồng, hoặc xây xẩm, mà phải luôn luôn chánh niệm và tỉnh táo. Khi phát khởi tâm bố thí tất cả tài vật, thì Bồ tát tự nghĩ rằng: ‘Ta phải bố thí thức ăn cho người cần thức ăn, bố thí thức uống cho người cần thức uống.’ Và [với ý nghĩ] như vậy, ngay cả rượu, Bồ tát cũng bố thí cho người xin⁷. Khi

⁷ Về việc Bồ tát bố thí rượu cho người khác, Gs. Jan Nattier dẫn chứng kinh *Pratyutpanna-buddha-saṃmukha-avasthita-samādhisūtra* (Kinh Bát Chu Tam Muội) để phủ nhận sự việc này, nghĩa là

đó, Bồ tát nghĩ như sau: ‘Đây là lúc tu tập Bồ thí ba la mật. Đây là lúc ta phải bố thí tất cả những gì mà người khác [có thể] mong cầu, và ta phải làm như sau: bằng cách bố thí rượu cho nhiều người như vậy, ta phải giúp cho những người phẩm cách đoan chánh được chánh niệm và chánh tri.’⁸ Tại sao như vậy? Thỏa mãn tất cả nguyện cầu của chúng sinh chính là tu tập hoàn mãn Bồ thí ba la mật. Và như vậy, này trưởng giả, dù cho Bồ tát bố thí rượu cho kẻ khác, đức Như lai cũng sẽ không quở trách.

“Này trưởng giả, Bồ tát tại gia đó nên đem thiện căn hộ trì năm giới hồi hướng Vô thượng bồ đề. Và phải nên cẩn thận hộ trì năm giới cấm đó.

[7B] (6) “Lại nữa, Bồ tát tại gia không nên nói xấu người khác, mà phải nên hòa hợp những người đang có sự xích mích.

không có việc Bồ tát bố thí rượu cho người khác (Nattier, *A Few Good Men*, t. 232, phần chú thích).

⁸ Đoạn văn này, về việc bố thí rượu cho người xin, hơi khó hiểu và cũng khó chấp nhận. Đoạn văn tiếng Anh như sau: “Then, when the spirit of giving away all his property enters [into him] and he thinks to himself, ‘I should give food to those who desire food, and drink to those who desire drink,’ he even gives alcohol to others. And he does so reflecting in this way: ‘Now is the time for the perfection of giving. The time has come for giving to others whatever they may desire. And so I should act in this way: having given alcohol in this way to various people, I should induce mindfulness and awareness in those who are steady in conduct.’ And why is this? To fulfill all their desires is to carry out in full the bodhisattva’s perfection of giving.”

(7) “Không nên nói lời hung ác, mà phải nên nói lời chân chánh bằng giọng điệu nhỏ nhẹ và ngôn từ nhã nhặn.

(8) “Không nên nói lời vô ích, mà nên nói đúng lúc, nói sự thật, nói có ý nghĩa, nói liên quan đến Phật pháp, nói những điều cần thiết, và lợi ích cho sự dạy dỗ (Anh: discipling). Bồ tát nên trả lời nghi vấn một cách suông sẻ, và phải làm đúng những gì mình đã nói.

(9) “Bồ tát không nên có tâm tham, mà phải nghĩ đến lợi ích và an lạc cho tất cả chúng sinh.

(10) “Bồ tát không nên khởi tâm xấu ác (Anh: malice), mà phải luôn luôn mặc áo giáp nhẫn nhục.

(11) “Bồ tát phải nhận thức sự vật đúng như thật, và không nên có những kiến giải lệch lạc và sai lầm. Tâm ý phải dứt khoát rằng đức Phật là bậc tối cao, và không nên tôn thờ những vị trời nào khác.

Chương 3. Lương y

Tiết 8. Bồ tát trong xã hội.

[8A] “Lại nữa, này trưởng giả, trong tất cả làng xóm, tỉnh thành (Anh: town), đô thị (Anh: city), lãnh thổ (Anh: kingdom), hoặc kinh đô (Anh: capital), nơi mà Bồ tát cư ngụ, Bồ tát phải nên tuyên bố chánh pháp, và đối với những ai chưa có lòng tin, phải nên khiến họ phát khởi lòng tin. Đối với những kẻ không biết kính trọng [người khác], và những người không biết đến cha mẹ, sa môn và bà la môn, những người không biết tôn trọng bậc trưởng thượng, và những người không biết khuôn phép và vượt quá lễ nghi, Bồ tát cần phải khiến cho họ biết kính trọng các bậc thầy và tu tập chánh pháp. Đối với những người ngu tối, Bồ tát phải khuyên họ thân cận các bậc thông tuệ; đối với những người tham lam, Bồ tát khiến họ biết xả bỏ; đối với những người yếu kém, khiến họ tôn sùng đạo đức; đối với những người hung dữ, khiến họ trở nên an nhẫn, nhu hòa; đối với những người lười biếng, khiến họ trở nên phấn chấn [trong công việc]; đối với những người mê mờ, khiến họ được chánh niệm và chánh tri; và đối với những kẻ thiếu sáng suốt, khiến họ được sáng suốt (Anh: insight). Bồ tát làm bất cứ việc gì thích đáng cho lãnh thổ và kinh đô, bảo hộ [họ] bằng chánh pháp, không để cho bất cứ một ai bị sa vào đường ác.

[8B] “Này trưởng giả, giả như, mặc dù Bồ tát tại gia đã nỗ lực dạy dỗ hữu tình những đức hạnh - một lần, hoặc hai lần, hoặc ba lần, cho đến bảy lần, mà họ vẫn không có một chút tiến bộ nào, này trưởng giả, lúc đó Bồ tát tại gia nên khởi tâm đại bi đối với họ. Bồ tát tại gia mặc áo giáp trí tuệ, tuyên bố như sau: ‘Khi nào tôi vẫn chưa điều phục được [tất cả] những chúng sinh nông cuồng, ngã ngáo, thì tôi chưa thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

[8C] “ ‘Tại sao? Lý do mà tôi mặc áo giáp [trí tuệ] này, không phải là vì những kẻ ngay thẳng, không lay động, không còn vọng tưởng, và đầy đủ đức hạnh, mà tôi cũng không mặc áo giáp cho những người đã tu tập đầy đủ công đức. [Đây là vì tôi muốn cho những người nông cuồng, ngã ngáo nói trên được nghe chánh pháp và được chuyển hóa, cho nên tôi phát thệ nguyện này.] Tôi sẽ nỗ lực bằng mọi cách để cho những người thấy được tôi sẽ trở nên hạnh phúc và tăng trưởng niềm tin. Đây là điều mà tôi phải thành tựu, và phải nỗ lực đạt đến.’ Bồ tát tại gia nên nghĩ như vậy.

[8D] “Này trưởng giả, trong bất cứ làng xóm, tỉnh thành, đô thị, lãnh thổ, hoặc kinh đô, nếu như Bồ tát không răn bảo [những người dân ở đó] và khiến cho họ được chánh niệm, thì khi những chúng sinh đó bị sa vào nẻo ác, Bồ tát sẽ bị chur Như lai quả trách. Này trưởng giả, giống như thế này: chẳng

hạn, nếu trong một làng xóm, tỉnh thành, đô thị, lãnh thổ, hoặc kinh đô nào đó, có một vị lương y tài ba, nhưng vị ấy không thể trị lành, dù một bệnh nhân bị trúng độc, mà để cho bệnh nhân ấy bị chết, thì vị lương y ấy sẽ bị nhiều người quở trách. Này trưởng giả, tương tự như vậy, nếu một vị Bồ tát sống trong một làng xóm, tỉnh thành, đô thị, lãnh thổ, hoặc kinh đô, nếu như không thể răn bảo, dù một người, không thể khiến cho họ được chánh niệm, mà để cho họ bị sa vào bất cứ đường ác nào, thì vị Bồ tát đó sẽ bị chửi rủa quở trách. Này trưởng giả, trong trường hợp này, một Bồ tát sống trong một làng xóm, tỉnh thành, đô thị, lãnh thổ, hoặc kinh đô, bằng mọi cách nên mặc áo giáp [trí tuệ] với ý niệm sau: ‘Tôi sẽ không để cho bất cứ một chúng sinh nào bị sa vào đường ác. Đây là điều mà tôi phải thành tựu, và tôi phải cố gắng nỗ lực.’

Chương 4. Đời sống tại gia ô trược

Tiết 9. Họa hoạn của đời sống tại gia.

[9A] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát tại gia phải biết rõ những họa hoạn (Anh: faults) của đời sống gia đình. Bồ tát phải nên nghĩ như sau: ‘Gia đình là những gì hủy hoại thiện căn, chà nát hạt mầm thiện căn, và khiến cho nụ non thiện căn bị khô héo, cho nên được gọi là gia đình. Đời sống gia đình là một nơi chứa đựng tất cả sự thối nát (Anh: corruption). Nó là chỗ của những tâm lý dối trá được phát sinh bởi những mầm mống ác. Nó là chỗ của những người tầm thường ngu muội, những người thiếu kỷ luật, và những người không được bảo hộ. Nó là chỗ của những người làm những hành vi thiếu đạo đức, nó là chỗ mà những người ác tập hợp, cho nên gọi là ‘đời sống (Anh: living)’. Đời sống tại gia được gọi là nơi tập hợp của tất cả sự đau khổ. Nó là nơi hủy hoại những thiện căn đã được vun trồng từ trước, cho nên nó được gọi là đời sống gia đình.

[9B] “Cái được gọi là gia đình, sống ở đó người ta hành động sai trái với những bốn phận của mình. Sống ở đó, người ta trở nên vô lễ đối với cha mẹ, sa môn và bà la môn, cho nên nó được gọi là gia đình. Cái được gọi là gia đình, bởi vì đó là nơi mà người ta an vui trong những sự bám víu vào dục vọng, và là nơi mà những sầu não, than trách, khổ

đau và bất hạnh sẽ sinh khởi, cho nên nó được gọi là gia đình. Trong cái được gọi là gia đình, những hành động giết hại, trói buộc, đánh đập, hăm dọa, đả thương, và những lời nói nhục mạ, mắng nhiếc, độc ác và tổn hại được tuông ra, cho nên nó được gọi là gia đình. Trong cái được gọi là gia đình, người ta không thể trồng những thiện căn chưa được trồng, còn những thiện căn đã được trồng sẽ bị hủy hoại. Họ (những kẻ sống tại gia) sẽ bị quở trách bởi những bậc trí tuệ, bởi chư Phật và bởi các đệ tử của Phật. Sống ở đó, người ta sẽ bị đọa vào những nẻo ác. Sống ở đó, người ta sẽ không có một nơi nương tựa (Anh: refuge) bởi vì sự tham dục, không có một nơi nương tựa bởi vì sự thù ghét, sợ hãi, và mê mờ, cho nên được gọi là gia đình. Ở đó, người ta sẽ không bảo hộ giới uẩn (Skt: śīla-skandha), sẽ xả bỏ thiền định uẩn (Skt: samādhi-skandha), không thể tiến nhập trí tuệ uẩn (Skt: prajñā skandha), không thể chứng đắc giải thoát uẩn (Skt: vimukti-skandha), và không thể sinh khởi giải thoát tri kiến uẩn (Skt: vimukti-prajñā-darśana-skandha).

[9C] “Sống tại gia, người ta bám víu vào cha mẹ, vợ con, tôi tớ, nhân viên, bạn bè, bà con quyến thuộc, và những người phục dịch (Anh: attendant). Sống tại gia cũng giống như biển lớn, dù có bao nhiêu dòng nước chảy vào, cũng chẳng bao giờ chứa đủ. Sống tại gia cũng giống như ngọn lửa, dù bao nhiêu củi cũng không bao giờ [đốt cháy] thỏa mãn. Sống tại gia, tâm không bao giờ được an định, mà

thay đổi giống như gió. Sống tại gia là một sự phá hủy, giống như phá hủy một thành phố làm bằng cát. Sống tại gia bị nhiễm ô, giống như thực phẩm bị nhiễm độc. Sống tại gia luôn luôn bị đau khổ vì sự va chạm [với những người sống chung], giống như kẻ thù.

[9D] “Sống tại gia gây nên chướng ngại cho sự thành tựu những phẩm hạnh cao quý. Sống tại gia thường xuyên đưa đến sự xung đột. Sống tại gia có sự xích mích thường xuyên vì sự thù ghét lẫn nhau. Sống tại gia có nhiều tai hại vì sự liên hệ đến những hành vi tốt và xấu. Sống tại gia, người ta cần phải luôn luôn phấn đấu, vì bất luận làm việc gì, cũng không bao giờ thấy đủ. Sống tại gia là sự vô thường, bởi vì những gì người ta tích lũy trong thời gian lâu dài đều sẽ bị hư hoại. Sống tại gia là khổ đau, vì phải tìm cầu của cải, rồi lại phải tìm cách giữ gìn. Sống tại gia là sự lo sợ triền miên, vì sự kinh chống với nhau, giống như một kẻ thù. Sống tại gia là sự sơ suất (Anh: heedlessness), vì luôn luôn phạm phải lỗi lầm. Sống tại gia, người ta kiêu cách theo ý riêng của mình, nhưng thiếu sự chân thật cần thiết, giống như sự trang điểm của một diễn viên. Sống tại gia, người ta sẽ nhanh chóng đi đến sự bất hòa, và cuối cùng sẽ đi đến sự đổ vỡ.

(9E) “Sống tại gia giống như nhìn vào một ảo tượng (Anh: illusion), vì người ta đến với nhau một cách tình cờ, luôn luôn thiếu sự chân thật cần thiết

(Anh: essential reality). Sống tại gia giống như một giấc mộng, vì tất cả tài sản đều chung cuộc đi đến sự hủy hoại. Sống tại gia giống như một giọt sương, bởi vì bị tan biến một cách nhanh chóng. Sống tại gia giống như một giọt mật, bởi vì vị ngọt chỉ có một chút ít⁹. Sống tại gia giống như một bụi gai, bởi vì người ta bị hành hạ bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Sống tại gia giống như một con ong (Anh: stinging insect), bởi vì người ta không biết mệt mỏi trong việc tưởng nghĩ đến những việc vô đạo đức.

(9F) “Sống tại gia, cuộc đời bị hủy hoại, bởi vì có sự lừa dối lẫn nhau. Sống tại gia luôn luôn có sự ấu đả, bởi vì tâm lý có vấn đề. Sống tại gia, tài sản là của thiên hạ, bởi vì nó có thể bị tịch thu bởi nhà cầm quyền, bị xâm hủy bởi trộm cướp, bởi lửa cháy, nước trôi, và thiên tai. Sống tại gia ít có sự vui thú, bởi vì có quá nhiều sự phiền toái. Nay trưởng giả, bằng cách này, Bồ tát tại gia nên ý thức về họa hoạn của đời sống gia đình.

⁹ Bản [TPH] dịch: Sống tại gia giống như làm một người cha và một người mẹ, bởi vì sung sướng thì ít, mà đau khổ thì nhiều.

Chương 5. Bố thí

Tiết 10. Công đức bố thí.

[10A] “Lại nữa, này trưởng giả, sống tại gia, Bồ tát phải thực hiện rất nhiều những sự bố thí, kỷ luật, tự chế, nhu nhuyển. Bồ tát nên phấn tỉnh như sau: ‘Những gì ta bố thí là của ta, những gì ta giữ lại không phải là của ta. Những gì ta bố thí thì bền chắc (Anh: substance), những gì ta giữ lại thì không bền chắc. Những gì ta bố thí đem lại an vui trong tương lai, những gì ta giữ lại đem sự an vui trong hiện tại. Những gì ta bố thí thì không cần phải được phòng giữ, những gì ta giữ lại thì cần phải được phòng giữ. Sự tham luyến đối với những gì ta đã bố thí sẽ luôn luôn phai nhạt, còn sự tham luyến đối với những gì ta giữ lại sẽ tiếp tục gia tăng. Đối với những gì ta đã bố thí, ta không còn nghĩ là của mình, còn đối với những gì ta giữ lại, ta vẫn nghĩ là của mình. Những gì ta đã bố thí, không còn là đối tượng để ôm giữ; những gì ta giữ lại, vẫn còn là đối tượng để ôm giữ. Những gì ta đã bố thí không còn gây ra sự lo sợ, những gì ta giữ lại vẫn còn gây ra sự lo sợ. Những gì ta đã bố thí, trợ giúp con đường đến Bồ đề; những gì ta giữ lại, trợ giúp bè lũ của ma.

[10B] “Những gì ta đã bố thí sẽ không bị khánh tận, những gì ta giữ lại sẽ bị khánh tận. Những gì ta đã bố thí là niềm vui, những gì ta giữ lại là đau khổ [vì phải lo giữ gìn]. Những gì ta đã bố thí

đưa đến việc xa lìa những sự thối nát (Anh: corruption), những gì ta giữ lại tăng gia sự thối nát. Những gì ta đã bố thí sẽ đưa đến sự hoan lạc vĩ đại, những gì ta giữ lại sẽ không đem đến sự hoan lạc vĩ đại đó. Bố thí là hành động của bậc thiện nhân, giữ của là hành động của kẻ hạ tiện. Những gì ta bố thí thì sẽ được chư Phật khen ngợi, những gì ta giữ lại chỉ được những hàng hạ tiện khen ngợi.’ Bồ tát tại gia phải nên tưởng nghĩ như vậy. Này trưởng giả, bằng cách bố thí như vậy, Bồ tát tại gia ắt sẽ đạt được sự bền chắc từ những vật chất không bền chắc.

Tiết 11. Nghĩ tưởng khi thấy người hành khát¹⁰.

[11A] “Lại nữa, này trưởng giả, khi Bồ tát tại gia thấy một người hành khát, phải nên khởi lên ba ý tưởng. Ba ý tưởng nào? (1) Ý tưởng người hành khát là thiện tri thức; (2) ý tưởng đời sau mình sẽ trở nên giàu có; và (3) ý tưởng bố thí [cho người hành khát] là tư lương cho đạo Bồ đề. Này trưởng giả, khi Bồ tát tại gia thấy một người hành khát, phải nên khởi lên ba ý tưởng như vậy.

[11B] “Lại nữa, này trưởng giả, khi Bồ tát tại gia thấy một người hành khát, phải nên khởi lên ba ý tưởng. Ba ý tưởng nào? (1) Ý tưởng hàng phục

¹⁰ Theo Nattier, đối tượng của sự bố thí ở đây không phải là một tỳ kheo, hoặc một sa môn của các giáo phái ngoại đạo, mà chỉ là một hành khát thông thường.

tâm tham của chính mình; (2) ý tưởng bố thí tất cả [những gì mình hiện có]; và (3) ý tưởng về Nhất thiết trí. Nay trưởng giả, khi Bồ tát tại gia thấy một người hành khất, phải nên khởi lên ba ý tưởng như vậy.

[11C] “Lại nữa, nay trưởng giả, khi Bồ tát tại gia thấy một người hành khất, phải nên khởi lên ba ý tưởng. Ba ý tưởng nào? (1) Ý tưởng phải làm những gì hợp với lời dạy của Phật; (2) ý tưởng hàng phục ma chướng; và (3) ý tưởng không mong cầu quả báo. Nay trưởng giả, khi Bồ tát tại gia thấy một người hành khất, phải nên khởi lên ba ý tưởng như vậy.

[11D] “Lại nữa, nay trưởng giả, khi Bồ tát tại gia thấy một người hành khất, phải nên khởi lên ba ý tưởng. Ba ý tưởng nào? (1) Ý tưởng người hành khất là người hộ trì (Anh: attendant) của mình; (2) ý tưởng không xả bỏ phương tiện thâm nhiếp (Anh: means of attraction); (3) ý tưởng về sự bám víu là vô thường (Anh: the thought that what is unreal arises from grasping). Nay trưởng giả, khi Bồ tát tại gia thấy một người hành khất, phải nên khởi lên ba ý tưởng như vậy.

[11E] “Lại nữa, nay trưởng giả, khi Bồ tát tại gia thấy một người hành khất, phải nên khởi lên ba ý tưởng. Ba ý tưởng nào? (1) Ý tưởng lìa bỏ sự tham lam; (2) ý tưởng tu tập tâm từ; và (3) ý tưởng

không còn bị si mê (Anh: not entering into delusion). Nay trưởng giả, khi Bồ tát tại gia thấy một người hành khát, phải nên khởi lên ba ý tưởng như vậy.

[11F] “Tại sao như vậy? Nay trưởng giả, như thế này, bất cứ khi nào Bồ tát tại gia thấy một người hành khát, sự tham lam, sân giận, và si mê trở nên yếu thế hơn. Nay trưởng giả, nếu có người hỏi ‘làm thế nào mà tham lam, sân giận và si mê trở nên yếu thế hơn khi Bồ tát tại gia thấy một người hành khát?’ [Sự việc như thế này,] khi một người nghĩ về những tài sản của mình với tâm thản nhiên (Anh: equanimity) và đem chúng ra bố thí, thì tâm tham trở nên yếu thế hơn; khi một người khởi tâm từ (Anh: loving-kindness) đối với một người hành khát, thì tâm sân trở nên yếu thế hơn; và khi một người đã bố thí, đem công đức hồi hướng Vô thượng bồ đề, thì tâm si mê trở nên yếu thế hơn. Nay trưởng giả, bằng cách đó, bất cứ khi nào Bồ tát tại gia thấy một người hành khát, tâm tham, tâm sân, và tâm si mê sẽ trở nên yếu thế hơn.

[11G] “Lại nữa, nay trưởng giả, khi Bồ tát tại gia thấy một người hành khát, Bồ tát sẽ tu tập đầy đủ sáu ba la mật đa.

(1) “Nay trưởng giả, khi Bồ tát tại gia được người khác xin một món đồ vật, tâm của Bồ tát

không bám víu vào vật đó, đây là Bồ tát tu tập đầy đủ bố thí ba la mật.

(2) “Nếu Bồ tát nương vào tâm Bồ đề trong lúc bố thí, đây là Bồ tát tu tập đầy đủ trì giới ba la mật.

(3) “Nếu Bồ tát, trong lúc Bố thí, khởi tâm từ đối với người xin, và không khởi tâm thù ghét đối với họ, đây là Bồ tát tu tập đầy đủ nhẫn nhục ba la mật

(4) “Khi Bồ tát không bị buồn bực bởi tâm dao động nghĩ rằng: ‘Nếu bố thí như vậy, ta sẽ trở nên thế nào?’¹¹ Đây là Bồ tát tu tập đầy đủ tinh tấn ba la mật.

(5) Sau khi bố thí cho một người hành khất, Bồ tát không khởi tâm sầu não và hối tiếc, và hơn nữa, Bồ tát bố thí những vật đó với tâm Bồ đề, và trong tâm thái vui vẻ, thanh thản, hài lòng, thì như vậy, Bồ tát tu tập đầy đủ thiên định ba la mật.

(6) “Và nếu khi đã bố thí, Bồ tát không nghĩ đến những pháp [được sản sinh bởi sự bố thí] và không mong cầu quả báo, và cũng giống như một

¹¹ Nếu bố thí như vậy, ta sẽ trở nên thế nào? (Anh: If I give this way, what will become of me?): nghĩa là nếu món đồ vật đã được bố thí rồi, ta phải làm thế nào? Bản [KTK] dịch: Lúc bố thí, không sinh khởi ý tưởng là mình sẽ bị thiếu thốn [vì mất món đồ vật đó].

bậc trí không thỏa mãn với [niềm tin đối với] các pháp, như vậy, Bồ tát cũng không thỏa mãn [với sự bố thí], và chuyển hóa [công đức bố thí] thành Vô thượng bồ đề - bằng cách đó, Bồ tát tu tập đầy đủ bát nhã ba la mật.

“Này trưởng giả, bằng cách như vậy, khi thấy một hành khất, Bồ tát tại gia sẽ tu tập đầy đủ sáu pháp ba la mật.

Phần Hai

Tiết 12. Không dính mắc với người và vật.

[12A] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia, không còn sự dính mắc và ác cảm (Anh: aversion), phải nên bình thản đối với tám việc thế gian (Hán: bát phong). Nếu Bồ tát thành công trong việc tăng gia tài sản, hoặc có được vợ, con, hoặc có được vật quý giá, hoặc thu hoạch mùa màng tốt đẹp, Bồ tát cũng không nên hãnh diện hoặc vui mừng quá mức. Và giả như, Bồ tát hoàn toàn không có được những thứ này, cũng không nên bi quan, hoặc ảo não, mà Bồ tát nên phản tỉnh như sau: “Tất cả các vật hữu vi đều là ảo ảnh, chỉ là sự tô điểm giả tạo. Cho nên, cha mẹ, vợ con, tôi tớ (Anh: male and female slaves), công nhân, người giúp việc, bạn bè, người thân tín, bà con họ hàng - tất cả đều là nghiệp báo. Bởi vậy họ không phải là của ta, và ta cũng không phải của họ.

[12B] “Tại sao? Bởi vì cha mẹ, vợ con ta, v.v..., đều không phải là kẻ bảo hộ (Anh: protector), chỗ quy y (Anh: refuge), chỗ nương náu (Anh: resort), chỗ nghỉ ngơi (Anh: place of rest), không phải là cái ngã, hoặc những gì thuộc về cái ngã. Nếu như ngay cả năm uẩn dễ hư hoại, sáu căn, sáu xứ đều không phải là ta hoặc của ta, thì làm sao cha mẹ, v.v..., là ta hoặc của ta, hoặc ta là của họ? Và tại sao? Bởi vì ta là kẻ tác động và thọ nhận hành động của chính mình, ta sẽ nhận lãnh tất cả quả báo của những gì ta đã làm, bất luận là thiện hay ác. Ta sẽ nếm mùi quả báo của mỗi hành nghiệp và sẽ phải trải nghiệm tất cả sự chín muồi của quả báo của mỗi hành động. Và bởi vì những người đó cũng là những kẻ tác động và thọ nhận hành động của những gì họ đã tạo tác. Họ cũng sẽ nhận chịu quả báo của hành động của họ, bất luận là thiện hay ác. Họ cũng sẽ nếm mùi quả báo của mỗi hành động, và sẽ phải trải nghiệm tất cả sự chín muồi của quả báo của mỗi hành động của họ.

[12C] “Ta không cần phải vì họ mà tạo tác những ác nghiệp. Tất cả những người đó là nguồn vui [của ta] hiện tại, nhưng họ sẽ không còn là nguồn vui [của ta] sau này, cho nên ta phải tự lo lắng những gì của chính ta, nghĩa là những đức hạnh của sự bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thiện hạnh, tinh tấn, cảnh giác (Anh: virgillance), tích tập và bồi dưỡng những yếu tố cho sự giác ngộ. Đó mới là

những gì thật sự là của ta. Bất luận ta đến nơi nào, những đức hạnh này sẽ theo ta [như bóng theo hình]. Suy ngẫm như vậy, Bồ tát không tích tập tội lỗi, dù là cho chính mình, hoặc cho vợ con mình.

Tiết 13. Tu tập sự nhònm tởm người vợ mình.

[13A] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng đối với người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là vô thường; ý tưởng người vợ là không đáng tin cậy (Anh: unreliability); và ý tưởng người vợ là sự đổi thay. Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng như vậy về người vợ mình.

[13B] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là kẻ bầu bạn (Anh: companion) lúc sung sướng vui vẻ [đời này], nhưng không phải là kẻ bầu bạn trong đời sau; ý tưởng người vợ là kẻ bầu bạn trong lúc ăn uống, nhưng không phải là kẻ bầu bạn trong lúc nhận chịu quả báo; và ý tưởng người vợ là kẻ bầu bạn trong lúc hoan lạc, nhưng không phải là kẻ bầu bạn trong lúc khổ đau. Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng như vậy về người vợ mình¹².

¹² Bản [AH] cho rằng sự sung sướng của Bồ tát tại gia với người vợ sẽ dẫn đến sự khổ đau đời sau; sự hưởng thụ ăn uống với người vợ sẽ dẫn đến sự tạo tác tội lỗi [dâm dục]; và tổng quát, sự khoái

[13C] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là bất tịnh; ý tưởng người vợ là hôi thối; và ý tưởng người vợ là sự bất hòa.

[13D] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng đối với người vợ của mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là kẻ thù; ý tưởng người vợ là đao phủ thủ (Anh: executioner); và ý tưởng người vợ là một địch thủ (Anh: antagonist).

[13E] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ của mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là một con yêu tinh (Anh: ogre); ý tưởng người vợ là một con quỷ (Anh: demon); và ý tưởng người vợ là một mụ phù thủy (Anh: hag).

[13F] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ rất khó thỏa mãn; ý

lạc với người vợ sẽ đưa đến đau khổ. Bản [TPH] cho rằng người vợ là kẻ bầu bạn đời này chứ không phải đời sau; sự tu tập chánh niệm (Anh: mindfulness) cũng tốt như sự bầu bạn của người vợ; và người vợ là bầu bạn lúc hoan lạc, chứ không phải bầu bạn lúc khổ đau.

tướng người vợ là hư hỏng (Anh: depraved); và ý tướng người vợ là vong ơn bội nghĩa.

[13F'] “{Và lại có ba ý tướng. Ba ý tướng nào? Ý tướng người vợ là bạn xấu; ý tướng người vợ là tham lam và chấp trước; và ý tướng người vợ làm ô nhiễm phạm hạnh của mình. Đây là ba.}”¹³

[13G] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tướng về người vợ mình. Ba ý tướng nào? Ý tướng người vợ sẽ đọa vào địa ngục¹⁴; ý tướng người vợ sẽ bị đọa vào bàng sanh; và ý tướng người vợ sẽ bị đọa vào cõi Diêm la¹⁵.

[13H] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tướng về người vợ mình. Ba ý tướng nào? Ý tướng người vợ là gánh nặng; ý tướng người vợ là sự bó buộc (Anh: obligation); và ý tướng người vợ là oan trái mà mình phải gánh vác.

[13I] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tướng về người vợ mình. Ba ý

¹³ Chỉ có trong bản [TPH].

¹⁴ Bản [TPH] hình như cho rằng đoạn văn này không phải nói về người vợ bị đọa vào những đường ác, mà là người vợ khiến cho những người khác bị đọa vào những đường ác này. (Nattier)

¹⁵ Diêm la (theo truyền thống Ấn độ) là vua cõi địa ngục. Sự kiện Diêm la được xem là vua cõi ngạ quỷ (Xem *Câu Xá Luận* III, §59c-d) giải thích sự xuất hiện thường xuyên của cụm từ “cõi Diêm la” (yamaloka) là muốn nói đến cõi ngạ quỷ.

tưởng nào? Ý tưởng người vợ là ‘không phải của mình’; ý tưởng người vợ là một nhân vật không thể bị sở hữu; và ý tưởng người vợ là ‘một vật được mượn.’

[13J] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là nguyên có (Anh: occasion) để gây tạo thân nghiệp; ý tưởng người vợ là nguyên có để gây tạo khẩu nghiệp; và ý tưởng người vợ là nguyên có để gây tạo ý nghiệp.

[13K] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là nguyên do sinh khởi tâm tham; ý tưởng người vợ là nguyên do sinh khởi tâm ác độc; và ý tưởng người vợ là nguyên do sinh khởi tâm sân hận.

[13L] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là lao ngục (Anh: prison); ý tưởng người vợ là sự sát hại; và ý tưởng người vợ là sự trói buộc (Anh: binding).

[13M] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là chướng ngại cho trì giới; ý tưởng người vợ là chướng ngại cho thiền

định; và ý tưởng người vợ là chướng ngại cho trí tuệ.

[13N] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là bẫy thú (Anh: trap); ý tưởng người vợ là bẫy chim (Anh: snare); và ý tưởng người vợ là lưới (Anh: net).

[13O] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là một tai họa (Anh: plague); ý tưởng người vợ là một sự tổn hại; và ý tưởng người vợ là một căn bệnh truyền nhiễm.

[13P] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là một sự cãi cọ; ý tưởng người vợ là một tai nạn; và ý tưởng người vợ là một trận mưa đá (Anh: hailstorm).

[13Q] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là sự bệnh hoạn; ý tưởng người vợ là sự già nua; và ý tưởng người vợ là sự chết chóc.

[13R] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là ma (Skt: mara); ý

tưởng người vợ là quyến thuộc của ma; và ý tưởng người vợ là đáng sợ¹⁶.

[13S] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là sâu nã; ý tưởng người vợ là than khóc; và ý tưởng người vợ là khổ đau, buồn bã, và bất hạnh.

[13T] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là một con chó sói lớn; ý tưởng người vợ là một con thủy quái lớn (Anh: a big sea monster); và ý tưởng người vợ là một con mèo lớn.

[13U] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là một con rắn đen; ý tưởng người vợ là một con cá sấu; và ý tưởng người vợ là một con quỷ gây bệnh động kinh (Anh: a demon causing epilepsy).

[13V] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ không có kẻ bảo hộ; ý

¹⁶ Người vợ là đáng sợ: theo Nattier, người vợ là Bhaivara, có nghĩa là đáng sợ (Anh: frightful), khủng khiếp (Anh: horrible), còn có nghĩa là chó rừng (Anh: jackal), dạ xoa, và một hóa thân của thần Śiva.

tưởng người vợ không có chỗ quy y; và ý tưởng người vợ không có nơi ngơi nghỉ¹⁷.

[13W] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ như bị sừng phồng; ý tưởng người vợ như bị héo úa; và ý tưởng người vợ như bị bệnh hoạn.

[13W’] “[Lại nữa, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng: ý tưởng người vợ là mẹ mình, là chị mình, và là em gái mình.]¹⁸

[13X] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là kẻ cướp; ý tưởng người vợ là cai ngục [trần gian]; và ý tưởng người vợ là ngục tốt [địa ngục].

[13Y] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là một trận lụt; ý tưởng người vợ là một sự giao thoa (Anh: intersection); và ý tưởng người vợ là một sự trói buộc (Anh: knot).

¹⁷ Theo Gs. Nattier, đoạn văn này không phải Bồ tát thương cảm cho người vợ, mà Bồ tát tự thương cảm mình sẽ lâm vào những tình cảnh đen tối này (do bởi sự liên hệ với người vợ của mình).

¹⁸ Chỉ có trong bản [KTK].

[13Z] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ba ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là đầm lầy; ý tưởng người vợ là vực thẳm; và ý tưởng người vợ là xoáy nước.

[13AA] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là xiềng xích; ý tưởng người vợ là gông cùm; và ý tưởng người vợ là cạm bẫy.

[13BB] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là hầm lửa; ý tưởng người vợ là ngọn đèn rơm (Anh: grass-fire lamp); và ý tưởng người vợ là lưỡi dao cạo (Anh: razor).

[13CC] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là vô dụng (Anh: useless); ý tưởng người vợ là gai nhọn; và ý tưởng người vợ là thuốc độc.

[13DD] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là sự rỗng tuếch; ý tưởng người vợ chỉ biết ham mê quần áo; và ý tưởng người vợ là bám víu (Anh: clinging).

[13EE] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ là kẻ giữ ngục; ý tưởng người vợ là sự trừng phạt đau đớn; và ý tưởng người vợ là kẻ nắm quyền (Anh: wielding a sword).

[13FF] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng người vợ hay cãi cọ; ý tưởng người vợ hay dị nghị; và ý tưởng người vợ hay hạch sách.

[13GG] “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ý tưởng về người vợ mình. Ba ý tưởng nào? Ý tưởng ‘ở với người mình ghét’; ý tưởng ‘xa lìa người mình thương’; và ý tưởng ‘sự đau đớn.’

[13HH] “Nói tóm, Bồ tát sống tại gia phải nên sinh khởi ý tưởng người vợ là sự bất tịnh của đấu tranh ; ý tưởng người vợ là náo động của đấu tranh; ý tưởng người vợ là căn nguyên của tất cả sự tai hại, và ý tưởng người vợ là căn nguyên của tất cả các nghiệp ác. Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải quán sát người vợ với những ý tưởng này trong tâm [và không nên tham luyến họ].

Tiết 14. Tu tập sự nhàm chán người con mình.

[14A] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát tại gia không nên khởi tâm quá thương yêu đứa con mình. Này trưởng giả, nếu Bồ tát sinh khởi tâm quá thương yêu con mình, mà không thương yêu những hữu tình khác thì Bồ tát phải nên tự trách mình với ba điều quả trách. Ba điều quả trách nào? (1) Bồ đề thuộc về Bồ tát có tâm công bằng, chứ không thuộc về người không có tâm công bằng; (2) Bồ đề thuộc về Bồ tát hành xử công chánh, chứ không thuộc về người hành xử không công chánh; và (3) Bồ đề thuộc về Bồ tát không có tâm phân biệt, chứ không thuộc về người có tâm phân biệt. Như vậy, sau khi tự trách mình với ba điều quả trách này, Bồ tát phải phát khởi ý niệm ‘kẻ thù’¹⁹ đối với đứa con mình, nghĩ rằng: ‘Nó là kẻ thù, và không phải là người thân yêu của ta. Nếu ta dành quá nhiều sự thương yêu cho nó, trong khi không đối xử tương tự với những chúng sinh khác, thì ta sẽ đi lệch đường hướng tu tập mà đức Phật đã vạch ra.

[14B] “ ‘Vì nó mà ta đã tổn hoại thiện căn, và một cách vô ý thức, đã làm nguy hại cuộc đời mình. Cho nên nó là một sự nguy hiểm cho ta. Vì nó mà ta đã đi theo con đường không tương ứng với sự giải thoát, cho nên nó là kẻ thù của ta.’ Suy ngẫm như

¹⁹ Kẻ thù: theo Nattier, trong các bản tiếng Tạng dịch là ‘không thương’, ‘không thích’, nhưng hiện nay thuận theo Tập Bồ Tát Học Luận (*Sikṣāsamuccaya*) của ngài Tịch Thiên, dịch là ‘không phải bạn’, hoặc ‘kẻ thù.’

vậy, Bồ tát phải nên sinh khởi ba ý tưởng đã được nêu trên.

[14C] “Dùng đứa con làm nguyên nhân (Anh: cause), giống như Bồ tát đã yêu thương đứa con mình, Bồ tát phải nên khởi tâm từ đến tất cả hữu tình, và cũng giống như Bồ tát thương yêu lo lắng cho chính mình, Bồ tát phải nên ban bố tâm từ đến tất cả chúng sinh. Và phải nên cẩn thận phản tỉnh như sau: ‘Như đứa con ta đã từ nơi nào đó đến đây, ta cũng đã từ nơi nào đó đến đây. Tất cả mọi hữu tình cũng đã có lần làm con ta, và ta cũng đã từng làm con của tất cả hữu tình. Cho nên trong đứa con ta không có một kẻ nào thuộc về ta, hoặc thuộc về kẻ khác, hoặc thuộc về bất cứ ai.

[14D] “ ‘Tại sao? Vì tâm thiên vị (Anh: partiality) mà trong năm cõi, người ta từ ‘bạn’ biến thành ‘thù’, cho nên ta phải nên hành xử cách nào để không trở thành bạn hay thù của bất cứ một ai. Và tại sao? Khi một người xem kẻ khác là thù, thì bất luận kẻ ấy làm gì, người đó đều không hài lòng. Khi một người xem kẻ khác là bạn, thì bất luận kẻ ấy làm gì, người đó đều hài lòng. Cho nên, nếu tiếp tục sinh khởi hai tâm thương và ghét, ta không thể giác ngộ được sự bình đẳng của mọi vật.

[14E] “ ‘Và tại sao? Nghiệp ác đưa đến sự thọ sinh trong nẻo ác; nghiệp lành đưa đến sự thọ sinh trong nẻo lành. Cho nên ta không thể tạo nghiệp ác.

[Bằng cách] hành xử công bình với hữu tình, ta sẽ chứng đắc Nhất thiết trí.’ Nay trưởng giả, bằng cách đó, Bồ tát tại gia không nên chấp bất cứ vật gì là của mình. Bồ tát không nên dính mắc, hoặc không nên bị lay chuyển, hoặc khởi tâm tham luyến đưa con của mình.

Tiết 15. Đối xử với người hành khổt như thế nào.

[15A] “Nay trưởng giả, khi một người hành khổt đến xin Bồ tát một món đồ vật, nếu Bồ tát chưa sẵn sàng bố thí vật đó, thì Bồ tát phải nên phản tỉnh như sau: ‘Dù ta có bố thí vật này hay không, trong tương lai, ta chắc chắn cũng phải rời bỏ nó. Cho dù ta không muốn [mất món đồ vật đó], ta cũng sẽ chết và món đồ vật này cũng sẽ bỏ ta, và ta cũng sẽ bỏ nó. Nhưng nếu hiện nay ta bố thí vật này, ta sẽ chết với tâm an lạc, vì đã đạt được mục đích chân thật. Cho nên nếu ta bố thí vật này, đến lúc ta chết, ta sẽ không bị ray rức, mà ngược lại, lúc ta chết, vật này sẽ là nguyên do cho sự sung sướng, hoan hỷ, thư thái, và không còn bức rức.’

[15B] “Nhưng nếu sau khi đã phản tỉnh như vậy, Bồ tát vẫn chưa thể bố thí món đồ vật đó, thì Bồ tát nên giải thích với người hành khổt bằng ba cách: ‘(1) Hiện nay tâm [bố thí của] tôi còn yếu ớt, và thiện căn của tôi cũng còn non nớt. (2) Tôi mới bắt đầu học tập Đại thừa. Tôi vẫn còn ý tưởng “không

cho.” (3) Tôi vẫn còn ý tưởng chấp thủ, và còn bị vướng mắc vào ý tưởng đồ vật là ta và của ta. Như vậy, thưa ông, tôi xin ông hãy tha thứ cho tôi và xin đừng buồn phiền. [Trong tương lai] tôi sẽ làm, thành tựu, và sẽ nỗ lực làm thỏa mãn sự yêu cầu của ông và tất cả hữu tình.’ Nay trưởng giả, Bồ tát tại gia phải nên giải thích cho người hành khát bằng ba cách như vậy.

Tiết 16. Nghi thức Tam Tụ [Sám] Pháp.

[16A] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia phải nên thiện xảo trong việc chuyển hóa [tâm thức] thường xuyên và liên tục. Nếu như Bồ tát nghe được pháp của một vị Phật quá khứ, nhưng hiện tại không có Phật trụ thế, không có người giảng pháp, và cũng không gặp được tăng đoàn của các đức Phật, Bồ tát cần phải lễ lạy tất cả chư Phật ở khắp mười phương, và phải quán niệm và tùy hỷ tất cả hành nghiệp, thiện hạnh, phạm hạnh, thắng giải và định giải, và sự thành tựu tất cả công đức của chư Phật.

[16B] “Bồ tát phải nên làm như vậy: Ba thời vào ban ngày và ba thời vào ban đêm, với thân nghiệp và ý nghiệp thanh tịnh, với sự kiên quyết thanh tịnh, khéo léo trong việc tu tập tâm từ, mặc y phục sạch sẽ, đầy đủ tâm tầm quý, đã tích tập công đức sinh khởi bởi thiện căn, trang nghiêm, an lạc trong tâm Bồ đề, tâm tình thanh thản, dễ dãi thân

thiện, ưa làm việc lành, cử chỉ cung kính, nói năng hòa nhã, hàng phục ngã mạn, kiêu ngạo và hách dịch. Bồ tát có thể phát lộ tất cả lỗi làm mà mình đã gây tạo, và kiểm thúc không cho tái phạm. Tùy hỷ công đức của tất cả chúng sinh, và tích tập đầy đủ tướng tốt. Bồ tát cần phải cầu thỉnh chư Phật chuyển pháp luân, và hộ trì tất cả Phật pháp. Và để có thể hiện thân ở vô lượng cõi Phật, Bồ tát cần phải đọc tụng Tam Tu Sám Pháp (Anh: *Triskandhaka dharma-text*).

Tiết 17. Khi chư tăng vi phạm giới luật.

[17A] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia, nên thọ Bát quan trai giới. Bồ tát phải nên thân cận, hầu hạ và ca ngợi các bà la môn và sa môn nghiêm trì giới luật, đầy đủ đức hạnh. Và trong lúc thân cận, hầu hạ và ca ngợi các ngài một cách kiên thành, Bồ tát phải nên tự biết rõ lỗi lầm của chính mình. Khi thấy một vị tăng vi phạm giới luật của bậc sa môn, Bồ tát không nên khởi tâm khinh mạn, dù rất ít. Thay vào đó, Bồ tát tự nghĩ rằng ‘Tấm y màu đỏ xạm của đức Thế tôn, Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri – là bậc không còn cấu uế và đã vượt thoát mọi cấu uế của phiền não - được thấm nhuần bởi giới luật, được thấm nhuần bởi thiền định, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Trong trường hợp này, nó là tiêu biểu của các bậc thánh.’ Và sau khi khởi tâm kính trọng đối với chư Phật, Bồ tát nên khởi tâm đại từ bi đối với vị tăng [phạm giới] đó.

[17B] “Và Bồ tát nên nghĩ rằng ‘Hành động tội lỗi này không tốt, hành động ô nhiễm này không tốt. Vị tăng đó mặc tấm y tiêu biểu của đức Thế tôn, Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri - bậc đã được điều phục, tịch tĩnh và cao quý - thế nhưng vị tăng đó lại không thanh tịnh, không tịch tĩnh, không tự chế, không được điều phục, và hành xử sai trái với những phẩm chất cao quý. Đức Thế tôn có nói: “Không nên xem thường kẻ sơ học”, vị tăng ấy không phải là kẻ tạo tác lỗi lầm, mà là những phiền não trong tâm của vị ấy đã phát khởi thành những hành động thiếu đạo đức đó. Vị ấy đã học qua giáo pháp của đức Phật, nếu như vị ấy hiểu rõ những phiền não đang hiện hành và quán sát thấu đáo những phiền não đó, vị ấy có thể đạt được quả vị Tu đà hoàn, và sẽ đạt đến quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

[17C] “ ‘Tại sao? Suy ngẫm về sự kiện phiền não đều bị trừ diệt bởi trí tuệ, và đức Thế tôn cũng đã nói “Không nên đánh giá người khác, bởi vì một người đánh giá người khác sẽ đưa đến sự tổn hại”, và bởi vì đức Như lai biết rõ, còn ta không biết.’ Bồ tát quyết không khởi tâm giận, ghét, hoặc oán hờn đối với vị tỳ kheo phạm giới đó.

Chương 6. Tôn kính tháp miếu

Tiết 18. Khi đến tu viện.

[18A] “Này trưởng giả, nếu Bồ tát tại gia muốn đi vào trong một tu viện, Bồ tát nên đứng ngoài cổng, với một tâm thuần thiện, tâm điều nhu, tâm tôn kính, tâm lễ độ, tâm tin tưởng và sùng bái, và phải nên hướng về phía tu viện đánh lễ. Sau đó Bồ tát mới đi vào trong tu viện, và Bồ tát phải phản tỉnh như sau: ‘Đây là nơi an trụ trong tánh không. Đây là nơi an trụ trong vô tướng. Đây là nơi an trụ trong vô nguyện. Đây là nơi an trụ trong từ, bi, hỷ, xả. Đây là nơi của những bậc tu thiền định, là nơi của những bậc đã đoạn hết ràng buộc. Đây là nơi của những bậc thật sự lìa bỏ và đã thật sự dẫn thân vào đạo. Khi nào ta mới có thể rời bỏ chốn hồng trần, lìa bỏ gia đình, và sống một cuộc sống như thế này? Và khi nào ta mới có thể tham dự vào sinh hoạt của tăng già, tham dự vào những lễ tụng giới, sinh hoạt của những lễ tự tứ, và tham dự vào những lễ cúng dường (Anh: paying-respect) chư tăng. Suy nghĩ như vậy, Bồ tát nên cảm thấy hân hoan với ý tưởng xuất gia làm tăng.

[18B] “Chưa từng có vị Bồ tát nào sống tại gia mà chứng được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tất cả những vị đã từng chứng đắc quả vị Vô thượng đều lìa bỏ gia đình. Và sau khi lìa bỏ gia đình, họ đều tưởng nghĩ đến chốn a lan nhã, các

vị ấy đều lấy sự tu tập chốn a lan nhã làm mục đích. Sau khi đến nơi a lan nhã, họ đều ở đó chứng đắc Vô thượng bồ đề. Và ở nơi đó, các ngài có được những trang bị cho sự giác ngộ. [Cho nên các bậc trí giả đều xem thường đời sống tại gia, và khen ngợi đời sống liã bỏ gia đình.]

Tiết 19. Sự tương phản giữa đời sống tại gia và đời sống xuất gia.

[19A] “Đời sống tại gia nguy hiểm và bụi bặm (Anh: dusty); đời sống xuất gia được tán thán bởi chư Phật và hàng đệ tử. Đời sống tại gia đầy lỗi lầm và tệ ác (Anh: bad qualities); đời sống xuất gia đầy đủ thiện lành. Đời sống tại gia bị ô nhiễm bởi sự tư hữu; đời sống xuất gia được giải phóng khỏi sự tư hữu. Đời sống tại gia là nền tảng của hành vi xấu ác; đời sống xuất gia là nền tảng của hành vi đạo đức (Anh: good conduct).

[19B] “Đời sống tại gia sống trong trần lao (Anh: dust); đời sống xuất gia không sống trong trần lao. Đời sống tại gia chìm trong vũng lầy dục vọng; đời sống xuất gia thoát khỏi vũng lầy dục vọng. Đời sống tại gia là nơi tụ tập của những người ngu; đời sống xuất gia là nơi tụ tập của những người trí. Trong đời sống tại gia, khó mà sống trong sạch; trong đời sống xuất gia, rất dễ sống trong sạch. Đời sống tại gia có rất nhiều sự cạnh tranh; đời sống xuất gia không có sự cạnh tranh.

[19C] “Đời sống tại gia đắm chìm trong sự nghèo nàn [tâm linh]; đời sống xuất gia thoát khỏi sự nghèo nàn [tâm linh]. Đời sống tại gia là chỗ khổ đau; đời sống xuất gia là nơi hạnh phúc. Đời sống tại gia là nấc thang đưa đến sự thọ sanh vào néo ác; đời sống xuất gia là nấc thang dẫn đến sự thọ sanh vào cõi lành. Đời sống tại gia là trói buộc; đời sống xuất gia là giải thoát. Đời sống tại gia là sợ hãi; đời sống xuất gia là dũng cảm.

[19D] “Trong đời sống tại gia, hành động bị thúc đẩy bởi hình phạt; trong đời sống xuất gia, hành động không có sự trừng phạt. Đời sống tại gia liên quan đến việc sử dụng vũ khí; đời sống xuất gia không dùng đến vũ khí. Đời sống tại gia phải trải qua những phiền toái (Anh: upsetting things); đời sống xuất gia tránh xa những phiền toái. Đời sống tại gia đau khổ do sự truy cầu; đời sống xuất gia hạnh phúc vì không có sự truy cầu. Đời sống tại gia động loạn; đời sống xuất gia an bình.

[19E] “Đời sống tại gia tiêu biểu bởi sự tham lam; đời sống xuất gia không có sự tham lam. Đời sống tại gia làm người ta yếu hèn; đời sống xuất gia không yếu hèn. Đời sống tại gia hạ tiện; đời sống xuất gia cao thượng. Đời sống tại gia là một ngọn lửa dữ; đời sống xuất gia tiết chế lửa dữ (Anh: stills the flame). Trong đời sống tại gia, người ta làm lợi

cho kẻ khác; trong đời sống xuất gia, người ta làm lợi cho kẻ khác và cho chính mình.

[19F] “Đời sống tại gia được lợi nhỏ; đời sống xuất gia được lợi lớn. Đời sống tại gia ít chói sáng (Anh: splendor); đời sống xuất gia vô cùng chói sáng. Đời sống tại gia khổ đau bởi sự cấu uế; đời sống xuất gia hạnh phúc bởi sự xa lánh cuộc đời. Đời sống tại gia đem đến chông gai; đời sống xuất gia trừ dẹp chông gai. Đời sống tại gia được pháp nhỏ; đời sống xuất gia được pháp lớn.

[19G] “Đời sống tại gia đi ngược với giới luật (Skt: vinaya); đời sống xuất gia phù hợp với giới luật. Đời sống tại gia có nhiều ân hận; đời sống xuất gia không có ân hận. Trong đời sống tại gia, biển nước mắt, sữa [mẹ] và máu lan rộng; trong đời sống xuất gia, biển nước mắt, sữa [mẹ] và máu khô cạn. Đời sống tại gia bị quả trách bởi chư Phật, Bích chi phật và Thanh văn; đời sống xuất gia được tán thưởng bởi chư Phật, Bích chi phật và Thanh văn. Đời sống tại gia không có sự thỏa mãn; đời sống xuất gia biết thỏa mãn (Hán: tri túc).

[19H] “Đời sống tại gia khiến cho ma vương vui mừng; đời sống xuất gia khiến cho ma vương đau khổ. Đời sống tại gia rất nhiều phiền muộn; đời sống xuất gia lắng đọng tất cả phiền muộn. Đời sống tại gia phóng túng; đời sống xuất gia điều phục. Trong đời sống tại gia, mọi người làm việc như một

kẻ hầu; trong đời sống xuất gia, mọi người đều là chủ nhân. Đời sống tại gia lẫn quần trong luân hồi; đời sống xuất gia đạt đến Niết bàn.

[19I] “Đời sống tại gia là đường cùng; đời sống xuất gia là ra khỏi đường cùng. Đời sống tại gia là bóng tối; đời sống xuất gia là ánh sáng. Trong đời sống tại gia, người ta không thể làm chủ các căn của mình; trong đời sống xuất gia, mọi người đều làm chủ các căn của mình. Đời sống tại gia đưa đến kiêu mạn; đời sống xuất gia hàng phục kiêu mạn. Đời sống tại gia đưa đến sự giả dối; đời sống xuất gia đưa đến sự chân thật.

[19J] “Đời sống tại gia đưa đến sự thọ sinh vào cõi thấp; đời sống xuất gia dẫn đến sự thọ sinh vào cõi lành. Đời sống tại gia đáng khinh tởm; đời sống xuất gia đáng kính trọng. Đời sống tại gia có nhiều sự việc [thế gian]; đời sống xuất gia có ít sự việc [thế gian]. Thành quả của đời sống tại gia nhỏ bé; thành quả của đời sống xuất gia rộng lớn. Đời sống tại gia lệch lạc; đời sống xuất gia ngay thẳng.

[19K] “Đời sống tại gia có nhiều sự bất mãn; đời sống xuất gia có nhiều sự hoan lạc. Đời sống tại gia bị bao bọc bởi những mũi tên [đau khổ]; đời sống xuất gia bẻ gãy những mũi tên [đau khổ]. Trong đời sống tại gia, người ta chịu đựng sự bệnh hoạn; trong đời sống xuất gia, người ta trị liệu [cho mọi người] khỏi bị bệnh hoạn. Đời sống tại gia đưa

đến sự tàn lụi của Phật pháp; đời sống xuất gia khiến cho Phật pháp lan rộng. Đời sống tại gia khiến người ta hoang mang; đời sống xuất gia khiến mọi người định tĩnh.

[19L] “Đời sống tại gia thiếu trí tuệ; đời sống xuất gia khiến trí tuệ tăng trưởng. Đời sống tại gia chướng ngại trí tuệ; đời sống xuất gia khiến trí tuệ linh hoạt. Đời sống tại gia bị chạp bầy; đời sống xuất gia không bị chạp bầy. Đời sống tại gia có nhiều sự việc (Anh: activities); đời sống xuất gia ít có sự việc. Đời sống tại gia giống như thức uống bị pha thuốc độc; đời sống xuất gia giống như thức uống được pha cam lộ.

[19M] “Đời sống tại gia tai hại (Anh: harmful); đời sống xuất gia không có sự tai hại. Đời sống tại gia bị ô nhiễm (Anh: contaminated); đời sống xuất gia không bị ô nhiễm. Đời sống tại gia như trái kimpāka²⁰; đời sống xuất gia như trái cây côi trời (Anh: ambrosia fruit). Đời sống tại gia khiến người ta phải va chạm với những sự khó chịu; đời sống xuất gia khiến người ta xa lìa những sự khó chịu. Đời sống tại gia khiến người ta xa lìa những sự dễ chịu; đời sống xuất gia khiến người ta tiếp xúc với những sự dễ chịu.

²⁰ Một loại thực vật thuộc giống cucurbitaceous (dưa), mùi vị rất khó chịu (Anh: very bad taste).

[19N] “Đời sống tại gia trì trệ bởi vô minh; đời sống xuất gia được thắp sáng bởi trí tuệ. Đời sống tại gia hủy diệt sự tu tập thiền định; đời sống xuất gia thanh tịnh sự tu tập thiền định. Đời sống tại gia hủy hoại sự quyết tâm; đời sống xuất gia thanh tịnh sự quyết tâm. Đời sống tại gia hủy hoại thế nguyện kiên cố; đời sống xuất gia thanh tịnh thế nguyện kiên cố.

[19O] “Đời sống tại gia không có nơi an ổn (Anh: resort); đời sống xuất gia cung cấp nơi an ổn. Đời sống tại gia không có kẻ bảo hộ (Anh: protector); đời sống xuất gia cung cấp kẻ bảo hộ. Đời sống tại gia không có chỗ nghỉ ngơi; đời sống xuất gia cung cấp chỗ nghỉ ngơi. Đời sống tại gia không có chỗ nương náu (Anh: refuge); đời sống xuất gia cung cấp chỗ nương náu.

[19P] “Đời sống tại gia đầy dẫy sự ác độc; đời sống xuất gia tràn đầy tâm từ bi. Đời sống tại gia mang gánh nặng; đời sống xuất gia đặt gánh nặng xuống. Đời sống tại gia gây ra sự bất an (Anh: instability); trong đời sống xuất gia, mọi hoạt động đều đạt đến mục đích. Đời sống tại gia, gây tạo nhiều điều đáng trách; đời sống xuất gia, không làm những hành động đáng trách. Đời sống tại gia bị dày vò; đời sống xuất gia không bị dày vò. Đời sống tại gia bị vẫn đục; đời sống xuất gia không bị vẫn đục. Đời sống tại gia sở hữu những tài vật thế gian; đời sống xuất gia không sở hữu những tài vật thế gian.

[19Q] “Đời sống tại gia biểu hiện bởi sự kiêu ngạo; đời sống xuất gia không còn sự kiêu ngạo. Đời sống tại gia tôn trọng tài sản; đời sống xuất gia tôn trọng phẩm hạnh. Đời sống tại gia là một tai họa (Anh: plague); đời sống xuất gia giải trừ tai họa. Đời sống tại gia thu hẹp; đời sống xuất gia tỏa rộng. Đời sống tại gia dễ tìm; đời sống xuất gia khó tìm, trong ngàn kiếp mới có một lần.

[19R] “Bốn phận của đời sống tại gia dễ dàng; bốn phận của đời sống xuất gia khó khăn. Đời sống tại gia thuận theo dòng [sinh tử]; đời sống xuất gia đi ngược dòng [sinh tử]. Đời sống tại gia là một trận lụt [của sự đam mê]; đời sống xuất gia là một con thuyền [đi qua bờ bên kia]. Đời sống tại gia là bờ bên này (sinh tử); đời sống xuất gia là bờ bên kia (giải thoát).

[19S] “Trong đời sống tại gia, người ta bị điều khiển bởi kẻ khác; trong đời sống xuất gia, người ta không bị điều khiển. Đời sống tại gia đặc trưng bởi sự thù ghét; đời sống xuất gia đặc trưng bởi sự thông cảm. Trong đời sống tại gia, người ta hành xử theo hiệu lệnh của vua; trong đời sống xuất gia, người ta tu tập theo lời dạy của đức Phật. Đời sống tại gia chịu đựng những sự giày vò; đời sống xuất gia không có sự giày vò. Trong đời sống tại gia, khổ não tăng trưởng; trong đời sống xuất gia, hạnh phúc tăng trưởng.

[19T] “Đời sống tại gia vênh vang (Anh: pompous); đời sống xuất gia sâu sắc. Đời sống tại gia có nhiều bầu bạn; đời sống tại gia ít có bầu bạn. Trong đời sống tại gia, người ta gắn bó với vợ mình; trong đời sống xuất gia, người ta gắn bó với sự siêng năng tu tập. Đời sống tại gia bị bao phủ bởi tấm lưới [vô minh]; đời sống xuất gia xé nát tấm lưới [vô minh]. Trong đời sống tại gia, người ta miệt mài trong việc tính toán hãm hại kẻ khác; trong đời sống xuất gia, người ta hăng hái trong việc giúp đỡ chúng sinh.

[19U] “Đời sống tại gia xem trọng bố thí tài vật; đời sống xuất gia xem trọng bố thí Phật pháp. Đời sống tại gia dương cao ngọn cờ của ma vương; đời sống xuất gia dương cao ngọn cờ của đức Phật. Đời sống tại gia là nền tảng của khổ đau; đời sống xuất gia phá hủy nền tảng khổ đau. Trong đời sống tại gia, năm uẩn tăng trưởng; trong đời sống xuất gia, năm uẩn bị loại trừ. Đời sống tại gia là bóng tối; đời sống xuất gia là giải phóng khỏi bóng tối. Nay trưởng giả, bằng cách quán sát này, Bồ tát tại gia phải nên sống đời sống xuất gia.

Tiết 20. Khi đến tu viện (tiếp theo).

[20A] “Bồ tát tại gia nghĩ như sau, ‘Nếu ta cúng dường nhiều như số cát sông Hằng trong nhiều ngày, và bố thí tất cả tài vật hiện có, nhưng

công đức đó không bằng trong một niệm khởi tâm muốn trở thành một người xuất gia thấu hiểu Phật pháp và nghiêm trì giới luật [điều này luôn luôn khiến cho tâm ta vui sướng]. Tại sao? Nay trưởng giả, bố thí tài vật là bậc thấp, bởi vì ngay những kẻ không tin [Phật pháp], những kẻ vong ân (Anh: ingrate), những kẻ trộm cướp, những kẻ chiên đà la, bọn đánh thuê, và bọn tay sai cho nhà nước đều có thể bố thí [tài vật]. Nay trưởng giả, Bồ tát tại gia nên nghĩ tưởng, ‘Ta không nên thỏa mãn với sự bền chắc (Anh: substance) của sự bố thí, mà cần phải dùng đạo đức, học vấn và thiện hạnh làm sự bền chắc cho chính mình.’

[20B] “Khi đến tu viện, Bồ tát cần phải đánh lễ những đức tướng của đức Như lai. Sau đó, Bồ tát cần phải sinh khởi ba ý tưởng. Ba ý tưởng nào?

(1) Ta cũng phải trở thành bậc đáng được sùng kính như vậy.

(2) Vì thương chúng sinh, ta cần phải cúng dường thân này.

(3) Ta phải tu tập và nỗ lực bằng mọi cách để mau chứng được Vô thượng bồ đề và làm những công hạnh của một vị Phật, và do có được kinh nghiệm Niết bàn của một đức Như lai, ta cũng sẽ khiến cho chúng sinh chứng được Niết bàn.

Bồ tát phải nên tưởng nghĩ như vậy.

[20C] “Và khi đi vào trong tu viện, Bồ tát phải nên nghĩ đến tất cả hoạt động của tăng đoàn như sau: ‘Vị tăng nào có học vấn? Vị tăng nào giảng pháp? Vị tăng nào trì luật? Vị tăng nào trì luận (Skt: māṭṛkā, Hán: ma đặc lạc già)? Vị tăng nào trì Bồ tát tạng? Vị tăng nào sống nơi a lan nhã (hoang dã)? Vị tăng nào sống bằng khát thực? Vị tăng nào mặc y phấn tảo, thiếu dục, tri túc, và sống một mình? Vị tăng nào tu tập du già? Vị tăng nào tu tập thiền định? Vị tăng nào tu tập Bồ tát thừa? Vị tăng nào phụ trách bảo trì tu viện? Vị tăng nào chủ quản tu viện? Vị tăng nào giám sát tu viện? Bồ tát tại gia phải nên biết rõ sự sinh hoạt của các vị tăng trong tu viện. Sau khi biết rõ, và để tùy thuận tất cả chư tăng, Bồ tát cần phải sống phù hợp với [sinh hoạt của] họ, và không nên hành xử khác lạ trước sự hiện diện của các vị tăng khác²¹.

[20D] “Tại sao? Những gì xảy ra trong tu viện phải được che dấu không cho người trong làng biết. Bồ tát khi nói năng, phải nên tự kiểm điểm, không nên nói việc trong tu viện cho người trong làng nghe, và cũng không nói chuyện trong làng cho

²¹ “và không nên hành xử khác lạ trước sự hiện diện của các vị tăng khác”: Bản [AH] dịch “và Bồ tát không nên khiến cho các vị tăng đổ kỵ lẫn nhau.” Bản [TPH] dịch “và không nên hành xử với những ý tưởng khác.” Bản [KTK] dịch “Bồ tát không nên quở trách.”

người trong tu viện nghe. [Bồ tát hộ trì và hầu hạ vị tăng có học vấn là để họ giúp Bồ tát bổ túc kiến thức Phật pháp. Bồ tát hộ trì và hầu hạ vị tăng giảng pháp là để họ giảng pháp cho Bồ tát nghe. Bồ tát hộ trì và hầu hạ vị tăng trì luật là để họ giúp Bồ tát sửa đổi lỗi lầm. Bồ tát hộ trì và hầu hạ vị tăng trì Bồ tát tạng là để họ giúp Bồ tát học tập sáu ba la mật và phương tiện thiện xảo.] Đối với một vị tăng đang cần y, bát, hoặc thuốc men, và đồ cần dùng, Bồ tát nên bố thí cho vị tăng đó bằng phương cách nào để những người khác không nói xấu, hoặc hờn giận vị tăng đó. Tại sao? Vì bốn tính của loài trời và loài người là đố kỵ và tham lam. Cho nên người phàm mới cần được hộ trì, chứ không phải các vị A la hán. Tại sao? Lỗi lầm khởi lên từ những người phàm, chứ không khởi lên từ các vị A la hán.

[20E] “Cho nên, khi nương tựa một vị tăng có học vấn, Bồ tát cần phải nỗ lực tăng gia kiến thức. Khi nương tựa vị tăng giảng pháp (pháp sư), Bồ tát cần phải nỗ lực học tập ý nghĩa của kinh điển. Khi nương tựa vị tăng trì luật (luật sư), Bồ tát phải nên nỗ lực sửa đổi lỗi lầm và hàng phục phiền não. Khi nương tựa vị trì luận (luận sư), Bồ tát phải nên nỗ lực điều phục thân khẩu ý. Khi nương tựa vị tăng trì Bồ tát tạng, Bồ tát phải nên nỗ lực tu tập sáu ba la mật và phương tiện thiện xảo. Khi nương tựa vị tăng sống nơi a lan nhã, Bồ tát phải nên nỗ lực tu tập đời sống viễn ly. Khi nương tựa vị tăng sống bằng khát thực, Bồ tát phải nên nỗ lực tu tập tâm

không còn dao động bởi sự được hay mất, danh vọng hay hủy nhục, khen ngợi hoặc chê bai, sung sướng hoặc khổ sở. Khi nương tựa vị tăng mặc y phẩn tảo, Bồ tát nỗ lực tu tập sự không ưa thích y phục xuất gia²², hoặc sự trang sức [tại gia]. Khi nương tựa vị tăng thiếu dục (ít muốn), Bồ tát nỗ lực tu tập hạnh thiếu dục. Khi nương tựa vị tăng tri túc (biết đủ), Bồ tát nỗ lực tu tập hạnh tri túc. Khi nương tựa vị tăng sống nơi tịch tĩnh, Bồ tát nỗ lực tu tập hạnh sống tịch tĩnh. Khi nương tựa vị tăng tu tập du già, Bồ tát nỗ lực tu tập chỉ quán một mình. Khi nương tựa vị tăng tu tập thiền định, Bồ tát nỗ lực trừ diệt phiền não. Khi nương tựa vị tăng trì Bồ tát tạng, Bồ tát nỗ lực tu tập bốn nhiếp pháp (bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự). Khi nương tựa vị tăng phụ trách bảo trì tu viện, Bồ tát nỗ lực tu tập từ bỏ tất cả. Khi nương tựa vị tăng chủ quản tu viện, Bồ tát nỗ lực gánh vác trách nhiệm của mình. Khi nương tựa vị tăng giám sát tu viện, Bồ tát nỗ lực tu tập khiến tâm không còn dao động. Đây trường giả, đây là những điều mà Bồ tát tại gia tùy thuận những hoạt động [của tăng đoàn] như vậy.

[20F] “Nếu Bồ tát bố thí y và bình bát cho một vị tăng chưa có đường hướng tu tập nhất định, Bồ tát phải nên hướng dẫn vị tăng đó tu tập đạo Vô

²² Ý muốn nói những phục sức cầu kỳ, lộng lẫy mà các vị xuất gia trang sức trong những buổi lễ, chẳng hạn như y thêu kim tuyến vàng, mũ hiệp chưởng, những râu chuỗi đặc tiền, v.v... (Người dịch)

thượng bồ đề. Tại sao? Bởi vì bố thí tài vật cũng là cơ hội bố thí pháp. Nay trưởng giả, bằng cách đó, Bồ tát tại gia biết rõ những đạo hạnh của bậc sa môn. Hơn nữa, Bồ tát nên hòa giải sự bất hòa giữa các sa môn với nhau. Trong thời đại chánh pháp đang bị diệt vong, Bồ tát cần phải hộ trì chánh pháp, dù phải hy sinh thân mạng của chính mình. Nay trưởng giả, nếu Bồ tát tại gia gặp một vị tăng đang bị bệnh, Bồ tát phải trị liệu cho vị tăng ấy bình phục, dù phải dùng đến máu thịt của chính mình.

[20G] “Lại nữa, nay trưởng giả, bằng cách bố thí tài sản của mình, Bồ tát cũng phát động những người khác cùng làm như vậy. Và sau khi bố thí, Bồ tát không bao giờ khởi niệm luyến tiếc, bởi vì trong tất cả thiện căn, tâm Bồ đề là tối thượng. Nay trưởng giả, bằng cách đó, Bồ tát sống tại gia tu tập theo lời dạy của đức Như lai, không bị thoái thất nơi đạo Vô thượng bồ đề. Trong đời hiện tại xa lìa tất cả lỗi lầm, và trong đời vị lai sẽ trở nên vô cùng thù thắng.”

Tiết 21. Trưởng giả Úc Già và đồng bạn thọ giới (phần 1).

[21A] Lúc ấy, trưởng giả Úc Già và đồng bạn cất tiếng khen ngợi lời giáo huấn của đức Thế tôn, và bạch với đức Thế tôn như sau: “Thật là tuyệt vời, bạch đức Thế tôn. Ngài đã ban bố những lời dạy khéo léo về những lỗi lầm, những sự ràng buộc và

những sự sinh hoạt của đời sống tại gia, và về sự thù thắng của đời sống xuất gia. Bạch đức Thế tôn, hiện tại chúng con đã thấy rõ sự lỗi lầm và tệ hại của đời sống tại gia, và sự thù thắng vô tận của đời sống xuất gia. Bạch đức Thế tôn, xin ngài hãy cho phép chúng con được xuất gia và thọ cụ túc giới trong giáo pháp và giới luật mà đức Thế tôn đã giảng dạy tường tận.” Sau khi trưởng giả Úc Già nói lời ấy xong, đức Thế tôn nói: “Này các vị trưởng giả, đời sống xuất gia rất khó khăn, người xuất gia phải nghiêm trì giới luật thanh tịnh.” Sau khi đức Thế tôn nói xong, các vị trưởng giả nói: “Bạch đức Thế tôn, đúng là con đường xuất gia khó khăn, nhưng chúng con xin đức Thế tôn cho phép chúng con xuất gia. Cúi xin đức Thế tôn cho chúng con được nỗ lực tinh tiến tu tập trong giáo pháp của ngài.” Và đức Thế tôn đã cho phép các vị trưởng giả được xuất gia.

[21B] Sau đó, đức Thế tôn bảo ngài Bồ tát Di Lặc và Bồ tát Chư Hạnh Thanh Tịnh (Skt: Sarvacayāvisuddha): “Thiện nam tử, hãy cho các trưởng giả này xuất gia và thọ giới cụ túc.” Sau khi đức Thế tôn nói xong, Bồ tát Di Lặc chủ trì lễ xuất gia cho chín ngàn vị trưởng giả, và Bồ tát Chư Hạnh Thanh Tịnh chủ trì lễ xuất gia cho bảy ngàn vị trưởng giả.

[21C] Sau khi nghe được đức Thế tôn giảng pháp giáo huấn cho hàng Bồ tát tại gia, một ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng bồ đề. {Hai ngàn

năm trăm Bồ tát được âm hưởng nhẫn (Anh: echo-endurance), và bốn ngàn trời, người được thuận pháp nhẫn (Anh: receptive dharma-endurance).} {Và hai ngàn trời, người xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh²³.}

²³ Xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh: nghĩa là đắc được sơ quả tu đà hoàn.

Sự tu tập của Bồ tát xuất gia.

Phần ba

Chương 7. Biết đủ.

Tiết 22. Sự tu tập của Bồ tát xuất gia.

[22A] Lúc ấy, trưởng giả Úc Già bạch Phật: “Đức Thế tôn đã giải thích những điều lợi hại của đời sống tại gia [cũng như sự tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định và trí tuệ --- nói cách khác, sự tu tập Đại thừa.] Nay cúi xin đức Thế tôn giảng nói về sự thành tựu, giới luật, học tập, khổ hạnh và tiết dục, và cách hành xử của Bồ tát xuất gia. Bạch đức Thế tôn, Bồ tát xuất gia thấu hiểu Phật pháp và giới luật phải làm thế nào để quyết chắc rằng các công hạnh, như cung nghinh, chào đón, khởi thân [tỏ sự cung kính], xoa tay (Skt: añjali), và hành xử lễ độ, sẽ không trở nên vô ích?”

[22B] Khi trưởng giả Úc Già nói lời ấy xong, đức Như lai nói như sau: “Này trưởng giả, lành thay, lành thay, ông đã hỏi đức Như lai về những thành tựu, giới luật, học tập, khổ hạnh, tiết dục, đạo hạnh và phương cách hành xử của Bồ tát xuất gia. Này trưởng giả, hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ, ta sẽ vì ông mà nói phương cách Bồ tát xuất gia phải nên an trú và thành tựu như thế nào.” Trưởng giả Úc Già nói:

“Lành thay, bạch đức Thế tôn”, và lắng nghe những lời dạy bảo của đức Phật.

[22C] Đức Thế tôn nói với trưởng giả như sau: “Này trưởng giả, Bồ tát tự nghĩ: ‘Vì ai mà ta lìa bỏ gia đình đi xuất gia? Và phải nỗ lực theo đuổi sự học tập Phật pháp như cứu đầu và quần áo [trên thân] đang bị cháy?’ Sau khi suy ngẫm như vậy, việc trước tiên là Bồ tát phải nên an trú trong bốn thánh chủng, an lạc trong sự khổ hạnh và tiết dục.

Tiết 23. Bốn thánh chủng.

[23A] “Này trưởng giả, Bồ tát xuất gia làm thế nào để an trú trong bốn thánh chủng? Này trưởng giả, Bồ tát xuất gia thỏa mãn với y phục cũ kỹ. Bồ tát tỏ ra vui mừng với những tấm y cũ kỹ, và không bao giờ, vì muốn được y mà dùng những phương tiện không thích đáng. Nếu như không tìm được y, Bồ tát cũng không cảm thấy bức rức, hoặc buồn phiền, và nếu như tìm được y, Bồ tát cũng không dính mắc, không tham lam, không vui mừng, không mê luyến. Biết rõ lỗi lầm của sự tham luyến, và nhận thức rõ sự sinh khởi của tâm tham luyến đó, Bồ tát hành xử với tâm không dính mắc. Và những người hài lòng với bất cứ y phục cũ kỹ nào sẽ không khen mình hoặc phiền trách người khác.

[23B] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia thỏa mãn với thực phẩm cũ kỹ. Bồ tát tỏ ra vui

mừng với những thực phẩm cũ kỹ, và không bao giờ, vì muốn được thực phẩm mà dùng những phương tiện không thích đáng. Nếu như không tìm được thực phẩm, Bồ tát cũng không cảm thấy bức rức, hoặc buồn phiền, và nếu như tìm được thực phẩm, Bồ tát cũng không dính mắc, không tham lam, không vui mừng, không mê luyến. Biết rõ lỗi lầm của sự tham luyến, và nhận thức rõ sự sinh khởi của tâm tham luyến đó, Bồ tát hành xử với tâm không dính mắc. Và những người hài lòng với bất cứ thực phẩm cũ kỹ nào sẽ không khen mình hoặc phiền trách người khác.

[23C] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia thỏa mãn với chỗ ở cũ kỹ. Bồ tát tỏ ra vui mừng với những chỗ ở cũ kỹ, và không bao giờ, vì muốn được chỗ ở mà dùng những phương tiện không thích đáng. Nếu như không tìm được chỗ ở, Bồ tát cũng không cảm thấy bức rức, hoặc buồn phiền, và nếu như tìm được chỗ ở, Bồ tát cũng không dính mắc, không tham lam, không vui mừng, không mê luyến. Biết rõ lỗi lầm của sự tham luyến, và nhận thức rõ sự sinh khởi của tâm tham luyến đó, Bồ tát hành xử với tâm không dính mắc. Và những người hài lòng với bất cứ chỗ ở cũ kỹ nào sẽ không khen mình hoặc phiền trách người khác.

[23D] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia thỏa mãn với thuốc men và đồ cần dùng cũ kỹ. Bồ tát tỏ ra vui mừng với những thuốc men và đồ cần

dùng cũ kỹ, và không bao giờ, vì muốn được thuốc men và đồ cần dùng mà dùng những phương tiện không thích đáng. Nếu như không tìm được thuốc men và đồ cần dùng, Bồ tát cũng không cảm thấy bức rức, hoặc buồn phiền, và nếu như tìm được thuốc men và đồ cần dùng, Bồ tát cũng không dính mắc, không tham lam, không vui mừng, không mê luyến. Biết rõ lỗi lầm của sự tham luyến, và nhận thức rõ sự sinh khởi của tâm tham luyến đó, Bồ tát hành xử với tâm không dính mắc. Và những người hài lòng với bất cứ thuốc men và đồ cần dùng cũ kỹ nào sẽ không khen mình hoặc phiền trách người khác.

[23E] “Bồ tát hoan hỷ xả bỏ [những tật xấu], và tìm được an lạc trong sự xả bỏ. Bồ tát trở nên vui sướng xả bỏ những sự việc xấu xa bất chánh, và sẽ không vui sướng nếu không xả bỏ được chúng. Hoan hỷ trong việc tu tập những đức hạnh, Bồ tát nỗ lực đạt đến sự hoan hỷ trong sự tu tập. Bồ tát vui sướng trong việc tu tập đức hạnh, và sẽ không vui sướng nếu không tu tập đức hạnh. Và những người nào vui thích trong việc tu tập xả bỏ sẽ tìm được an lạc trong sự xả bỏ, và sẽ nỗ lực trong việc tu tập xả bỏ. Và những người vui sướng trong sự tu tập, tìm an lạc trong sự tu tập, và nỗ lực an trụ trong an lạc của sự tu tập sẽ không khen mình, hoặc phiền trách người khác. Nay tưởng giả, bằng cách đó, Bồ tát xuất gia an trụ trong bốn thánh chủng. Tại sao được gọi là thánh chủng? Bởi vì chúng bao hàm tất cả

những phẩm hạnh đưa đến sự giác ngộ, cho nên chúng được gọi là thánh chủng.

Tiết 24. Bốn thánh chủng và những sự tu tập khổ hạnh khác.

[24A] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia đắp y [họa sắc] là vì ưa thích mười công đức. Mười công đức nào? (1) Vì che thân nên khiêm tốn và hổ thẹn; (2) vì phòng ngừa muỗi mòng, nắng gió, và rắn rít; (3) vì y là biểu hiệu hình tướng của sa môn, và là tiêu biểu của sa môn; (4) vì y họa sắc là biểu tượng của tháp đối với trời người và a tu la, và (5) vì y họa sắc là tháp, Bồ tát phải đắp y một cách nghiêm chỉnh; (6) vì y được nhuộm bằng màu sắc không khiêu gợi dục vọng, chứ không nhuộm bằng màu sắc khêu gợi dục vọng; (7) vì y là thích nghi cho sự an định tâm tư, chứ không thích nghi cho sự dấy động phiền não; (8) vì đắp tấm y họa sắc này, hành giả sẽ không tạo tác những ác hạnh và tu tập những thiện hạnh, và (9) sẽ không dùng tấm y họa sắc này như một sự trang sức (phô trương), và (10) bởi vì nhận thức được rằng những tấm y họa sắc hòa hài với những công cụ của thánh đạo, Bồ tát nghĩ rằng: ‘Ta phải đắp y họa sắc, dù trong một sát na, cũng sẽ không bao giờ tạo tác nghiệp bất tịnh.’ Này trưởng giả, vì hoan hỷ với mười công đức này, Bồ tát cần phải đắp y họa sắc.

[24B] “Này trưởng giả, sau khi thấy được mười công đức, Bồ tát xuất gia, cho đến khi mạng chung, không nên phế bỏ việc khát thực. Mười điều công đức nào? [Bồ tát tự nghĩ] ‘(1) Ta phải sống bởi tự lực, không tùy thuộc kẻ khác; (2) nếu có chúng sinh nào muốn bố thí thực phẩm khi ta đang cần, ta phải khiến cho họ được an trụ trong Tam bảo, và sau đó mới thọ nhận sự cúng dường; (3) nếu có người không bố thí khi ta đang cần, ta cũng phải khởi lòng từ bi đối với họ; (4) sau đó ta sẽ cố gắng đưa họ vào con đường từ bỏ thế gian; (5) sau khi hoàn tất những việc cần phải làm, thọ dụng phần ăn của mình, ta sẽ trở thành người thực hành theo lời dạy của đức Như lai; (6) ta sẽ trở thành người thực hành đúng theo lời dạy của đức Như lai; (7) ta sẽ gây tạo nhân duyên (Anh: cause) đầy đủ và dễ thành tựu; (8) ta sẽ tu tập dứt trừ kiêu mạn; (9) ta sẽ tích tập công đức cần thiết để đạt được vô kiến đẳng tướng; và (10) nếu chúng sinh nào thấy được ta, cũng sẽ tu tập giống như vậy, nhưng ta sẽ không lệ thuộc vào bất cứ ai (đàn ông, đàn bà, đồng nam, đồng nữ, v.v...), và ngay cả khi ta tu tập thọ nhận sự cúng dường, ta sẽ khởi tâm bình đẳng đối với tất cả; và sẽ đạt được Nhất thiết trí.’ Này trưởng giả, sau khi thấy được mười công đức này, Bồ tát xuất gia, cho đến khi mạng chung, sẽ không phế bỏ việc khát thực. Và nếu có người mời thỉnh, Bồ tát cũng nên đi ứng cúng, mục đích là để sách tấn [thí chủ] tu tập, phấn khởi và tăng trưởng lòng tin đối với Tam bảo. Và Bồ tát làm như vậy không phải vì lừa dối hoặc

ngại. Dù sao chẳng nữa, khi thọ nhận thức ăn, nếu có thể lợi ích cho chính mình và thí chủ, ta cho phép Bồ tát thọ nhận lời mời thỉnh cúng dường.

[24C] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia thấy được mười công đức cho nên trọn cả đời mình thỏa mãn với sự thiếu thốn thuốc men. Mười công đức nào? [Bồ tát tự nghĩ] ‘(1) Ta sẽ thâm nhập giáo pháp của Như lai; (2) ta sẽ không nhìn vào mặt kẻ khác; (3) ta sẽ giữ quan niệm về sự bất đồng; (4) ta sẽ thiết lập quan niệm không lo liệu về một cái “ngã”; (5) ta sẽ trừ khử sự bám víu vào những vị ngọt; (6) tất cả những người phạm sẽ đặt lòng tin của họ vào ta; (7) ta sẽ ít cần thức ăn hơn; (8) ta sẽ không khổ sở bởi sự khó khăn tìm kiếm thuốc men trị bệnh; (9) tâm ta sẽ không bị tổn hại bởi sự bệnh hoạn của cấu ô (Anh: defilement); và (10) sau khi đã tu tập pháp này, ta sẽ mau chóng đạt đến giải thoát khỏi sự bệnh hoạn của phiền não.’ Này trưởng giả, sau khi thấy được mười công đức, Bồ tát xuất gia sẽ trọn đời thỏa mãn với sự thiếu thốn thuốc men.

[24D] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia, thấy được mười công đức, sẽ trọn đời không từ bỏ sự an trú nơi a lan nhã. Mười công đức nào? [Bồ tát sẽ thấy rằng] ‘(1) Với tâm an lạc, ta sẽ đến đó bằng sức lực của chính mình; (2) không còn ý tưởng về “của ta”; (3) ta sẽ dứt bỏ sự tham luyến; (4) mặc tình trú ngụ [mà không sợ thiếu chỗ ở]; (5) đối với chỗ ở, ta

không phải lo lắng [sửa chữa, tu bổ]; (6) xả bỏ sự lệ thuộc, ta không quan tâm đến thân xác và cuộc đời; (7) vui vẻ sống một mình, ta sẽ xa lìa sự tụ họp ồn náo; (8) ta sẽ xả bỏ sự tạo tác những nghiệp hữu vi; (9) sự quan tâm của ta sẽ mở rộng, và (10) không còn bị ô nhiễm.’ Nay trưởng giả, sau khi thấy được mười công đức này, Bồ tát xuất gia trọn đời sẽ không xả bỏ sự an trú nơi a lan nhã.

[24E] “Này trưởng giả, nếu Bồ tát an trú nơi a lan nhã, vì muốn nghe pháp, hoặc muốn gặp Hòa thượng, A xà lê, hoặc muốn thăm bệnh, khi đi vào trong làng mạc, vì muốn trở về [a lan nhã], cần phải khởi niệm muốn trở về. Nếu Bồ tát tùy thuộc vào sự giảng kinh hoặc tụng kinh của người khác, mặc dù ở trong chùa, nhưng tâm lúc nào cũng tưởng nghĩ tất cả [nơi chốn] đều là a lan nhã, và nghĩ đến tự thân ‘không bao giờ nhàm chán trong việc tìm cầu chánh pháp, và đó chính là an trú nơi a lan nhã.’

Chương 8. An trú nơi a lan nhã

Tiết 25. Công đức của sự an trú nơi a lan nhã.

[25A] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia an trú nơi a lan nhã cần phải phản tỉnh như sau: ‘Vì lý do gì mà sống nơi a lan nhã? Sống nơi a lan nhã không khiến cho một người trở thành sa môn. Có nhiều người sống ở đây mà không thanh tịnh, không cảm thấy an ninh, [thân tâm] không được ổn định, không được điều phục, và không chịu nỗ lực tinh tiến [tu tập], cũng giống như nai, như khỉ, như bầy chim, như kẻ trộm cướp, và như kẻ chiêm đà la. Họ không có phẩm cách của một vị sa môn. Như vậy, tại sao ta lại sống ở nơi a lan nhã? Đây là lý do như sau: ta cần phải hoàn thành mục tiêu của một vị sa môn.’”

[25B] “Này trưởng giả, nếu có người hỏi mục đích làm một vị sa môn của Bồ tát xuất gia là gì, thì mục đích đó là: an trụ trong sự tỉnh thức và sáng suốt; không bị phân tâm; thành tựu tổng trì (dhāraṇī) [không thỏa mãn với những gì đã học, đã đạt được thuyết vô ngại biện]; nương tựa vào tâm từ và tâm bi; đã đạt được ngũ thông; hoàn thành sự tu tập sáu ba la mật; không xả bỏ tâm nhất thiết trí; tu tập phương tiện thiện xảo, thành thực chúng sinh; không xả bỏ bốn nhiếp pháp; quán sát lục niệm; không xả bỏ sự học hỏi và tu tập; phân biệt xác đáng các pháp; nỗ lực đạt đến sự giải thoát chân

thật; biết rõ sự thành đạt đạo quả; an trụ trong trạng thái thâm nhập chánh đạo; và hộ trì chánh pháp.

[25C] “Tin tưởng nghiệp báo, đây gọi là chánh kiến; đoạn trừ tất cả vọng tưởng phân biệt, đây gọi là chánh tư duy; tùy căn cơ chúng sinh mà giảng pháp cho họ hiểu, đây gọi là chánh ngữ; đoạn trừ tất cả nghiệp hữu lậu, đây gọi là chánh nghiệp; đoạn trừ tất cả mọi tập khí, đây gọi là chánh mạng; thường không quên các pháp, đây gọi là chánh niệm; và chứng đắc nhất thiết trí, đây gọi là chánh định.

[25D] “Không bị kinh sợ bởi “không”, không bị uy hiếp bởi “vô tướng”, và không bị đè ép bởi “vô nguyện”, và có thể dùng nguyện lực để tự tại độ sanh; y vào nghĩa [lý] chứ không y vào lời nói (ngữ); y vào trí (Anh: knowledge) chứ không y vào [phân biệt] thức (Anh: discursive consciousness); y vào pháp (Dharma) chứ không y vào người; y vào kinh liễu nghĩa chứ không y vào kinh không liễu nghĩa. Tùy thuận nhất thiết trí bốn tánh không sanh không diệt của các pháp, mà không phải do tâm thức cấu tạo một bản chất (Anh: an essence) của các pháp. Như vậy, này trưởng giả, đó là mục tiêu thực hành pháp sa môn của Bồ tát xuất gia.

(25E) “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia không nên thân cận với nhiều người, mà nên nghĩ về chính mình như sau: “Ta không chỉ đem thiện căn

đến cho một người, mà ta phải đem thiện căn đến tất cả mọi chúng sinh.’ Thế nhưng, này trưởng giả, đức Như lai cho phép Bồ tát xuất gia được thân cận bốn loại người. Bốn loại người nào? (1) Thân cận với những người khác để nghe chánh pháp; (2) thân cận với những người khác để thành thực chúng sinh; (3) thân cận với những người khác để cúng dường tán thán Như lai; và (4) thân cận với những người không xả bỏ tâm Nhất thiết trí. Này trưởng giả, Bồ tát xuất gia được Như lai cho phép thân cận với bốn loại người như vậy. Này trưởng giả, trong trường hợp này, Bồ tát xuất gia không nên thân cận với những loại người khác [với bốn loại người vừa nêu trên].

(25F) “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã, nên tự nghĩ như vậy: ‘Ta đến nơi tịch tĩnh này là vì kinh sợ. Kinh sợ những gì? Kinh sợ sự tụ họp ồn ào và thân cận với người khác; kinh sợ tham lam, sân giận và mê muội; kinh sợ sự kiêu mạn, tham luyến và giận dữ; kinh sợ sắc, thanh, hương, vị, và xúc; kinh sợ ấm ma, phiền não ma, tử ma, và thiên ma; kinh sợ sự nhầm lẫn cho rằng vô thường là thường, khổ cho là vui, [không có thật (Anh: substantial) cho là có thật], vô ngã cho là ngã, và bất tịnh cho là tịnh; kinh sợ ý nghĩ, tâm tưởng và sự nhận thức; kinh sợ sự bám víu và sự luân hồi; kinh sợ sự chướng ngại, phá hoại, và ám ảnh (Anh: obsession); kinh sợ kiến giải lầm lạc về “cá nhân” (Anh: individuality); kinh sợ sự chấp các pháp là ta

và của ta; kinh sợ sự phóng túng (Anh: unruly); kinh sợ sự nghi ngờ và do dự; kinh sợ ác tri thức; kinh sợ lợi nhuận và danh dự; kinh sợ bạn ác; kinh sợ sự việc mình không thấy mà cho là đã thấy, mình chưa nghe mà cho là đã nghe, mình không nhớ mà cho là nhớ, mình chưa biết rõ mà cho là biết rõ, và mình chưa nhận thức mà cho là đã nhận thức; kinh sợ sự bất tịnh của luân hồi; kinh sợ sự thù hận lẫn nhau; kinh sợ dục giới, sắc giới, và vô sắc giới; kinh sợ khi chết bị thác sanh vào cõi địa ngục, súc sanh, hoặc ngạ quỷ, hoặc gặp phải tám nạn. Nói tóm lại, bị kinh sợ bởi những sự việc đáng kinh sợ như vậy, cho nên ta đã đến an trú nơi a lan nhã.

[25G] “Hành giả không thể được giải thoát khỏi những pháp đáng sợ hãi như vậy bằng cách an trú tại gia, sống giữa những sự tụ họp ồn náo, sống mà không có sự nỗ lực và không có sự tinh tiến tu tập thiền định, và không có sự chuyên tâm thích đáng (Anh: direct one’s attention improperly). Tất cả Bồ tát trong quá khứ đã giải thoát khỏi tất cả những sợ hãi của sự sống nơi a lan nhã, và vì thế họ đã đạt được sự vô úy của giai vị Chánh đẳng chánh giác. Tất cả Bồ tát đời vị lai cũng sẽ giải thoát khỏi tất cả những sợ hãi của sự sống nơi a lan nhã và họ sẽ đạt được sự vô úy của giai vị Chánh đẳng chánh giác. Tất cả Bồ tát đời hiện tại đang được giải thoát khỏi tất cả những sợ hãi của sự sống nơi a lan nhã và họ đang đạt được sự vô úy của giai vị Chánh đẳng chánh giác. Như vậy, hiện nay ta cũng đang kinh sợ

và mong muốn thoát ly tất cả sợ hãi của sự sống nơi a lan nhã và đạt đến sự vô úy của giai vị Chánh đẳng chánh giác. Bồ tát phải nên tự phản chiếu như vậy.

[25H] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia, kinh sợ sự sống nơi a lan nhã, phải nên tự nhủ như sau: ‘Bất cứ sự sợ hãi nào có thể xảy ra, đều nảy sinh từ sự chấp trước vào một cái ngã. Chúng nảy sinh từ sự bám víu vào một cái ngã, từ sự khao khát vào một cái ngã, từ quan niệm về một cái ngã, từ sự bám víu vào sự chỉ dạy về một cái ngã, từ sự tin tưởng vào một cái ngã, từ sự thiết lập một cái ngã, từ sự cấu tạo (Anh: mental construction) của một cái ngã, và từ sự bào chữa cho một cái ngã. Nếu ta sống nơi a lan nhã nhưng không hàng phục được sự giả thiết về cái ngã, sự bám víu vào một cái ngã, sự chấp trước vào một cái ngã, vào nền tảng của một cái ngã, vào sự khao khát về một cái ngã, vào quan niệm về một cái ngã, vào sự bám chặt vào giáo lý về một cái ngã, vào sự tin tưởng về một cái ngã, vào sự bào chữa cho một cái ngã, cho dù ta sống nơi a lan nhã thì đó cũng là vô nghĩa. Bởi vì sẽ không có đời sống nơi a lan nhã cho một kẻ còn chấp vào một cái ‘ta’ hoặc ‘kẻ khác’; không có đời sống nơi a lan nhã cho một kẻ bám víu vào quan niệm về ‘ta’ và ‘của ta’; không có đời sống nơi a lan nhã cho những kẻ chấp rằng tất cả đều có ‘thật thế’; và không có đời sống nơi a lan nhã cho những kẻ tà kiến (Anh: mistaken views). Này trưởng giả, sẽ không có đời sống nơi a lan nhã cho những người chấp Niết bàn

là thật có; và cũng không có đời sống nơi a lan nhã cho những người chấp phiền não là thật có!

[251] “Này trưởng giả, sống nơi a lan nhã có nghĩa là sống mà không lệ thuộc vào bất cứ sự việc gì. Sống nơi a lan nhã là sống mà không chấp trước vào tất cả. {Tất cả sự hỷ lạc cũng không phải là sự chấp trước}. {Thương xót và hộ trì những hữu tình đang sống trong ba cõi}. Đây là sự an trú mà không dính mắc vào hình tướng. Đây là sự an trú không tùy thuộc vào sắc, không tùy thuộc vào thanh, hương, vị và xúc. Đây là sự an trú mà không nhằm lẫn về sự tương đồng của tất cả pháp. Đây là sự an trú với tâm hoàn toàn tĩnh lặng và thanh tịnh. An trú không sợ hãi, đã xả bỏ tất cả gánh nặng của sự lo sợ. An trú sau khi vượt qua dòng [sinh tử] là bởi vì đã giải thoát tất cả cấu nhiễm. [Đó là sống đáng tin cậy]. Vì thỏa mãn với tất cả sự vật chung quanh, và ít mong cầu, đó là cuộc sống an nhiên trong truyền thống của các bậc thánh. Bởi vì dễ dãi trong việc sinh hoạt và ăn ở, đó là cuộc sống đầy thỏa thích. Bằng cách tu tập chánh niệm một cách thích đáng, đó là cuộc sống mà hành giả được học tập. Bằng cách quán sát ngưỡng cửa đưa đến giải thoát, chẳng hạn như không, vô tướng, vô nguyện, đó là cuộc sống giải thoát. Bằng cách phá vỡ những sự trói buộc, đó là cuộc sống trong thanh thoi. Bằng cách tùy thuận nhân duyên, đó là cuộc sống an định những kẻ phóng túng. Bằng cách thanh tịnh hóa hoàn toàn, đó là cuộc sống đã làm xong những gì cần phải làm.

[25J] “Này trưởng giả, như thế này, ví dụ như cỏ, bụi rậm và cây thuốc, [bò rừng, voi, và ngựa] sống nơi hoang dã nhưng không kinh sợ. Này trưởng giả, cũng giống như vậy, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã phải quán tưởng thân mình cũng giống như cỏ, bụi rậm, cây thuốc, một bức tường, một mảnh gỗ, một ngọn núi, hoặc là một ảo ảnh. Và Bồ tát phải khởi lên ý tưởng ‘Ai sợ hãi ở đây? Ai khiếp đảm ở đây?’ Và khi Bồ tát thấy rằng mình là kẻ sợ hãi và khiếp đảm, Bồ tát phải nên quán sát thân mình như sau: ‘Trong thân này không có ngã, không có hữu tình, không thần thức (Anh: no soul), không tạo vật, không cá tính (Anh: no personality), không phải đàn ông (Anh: man), không phải người, và không phải thanh niên. Cho nên cái gọi là ‘sợ hãi’ này là một sản vật tưởng tượng, không có thật. Ta không kiến tạo một vật tưởng tượng và không có thật như vậy.’ Giống như cỏ, bụi rậm, cây thuốc, [và bò rừng] sống nơi chốn hoang dã mà không có ý tưởng về ‘ta’ và không còn sự vướng mắc, nhận thức rằng tất cả đều là ‘a lan nhã’, và sống trong sự nhận thức rõ ràng như vậy. Tại sao? Sống nơi a lan nhã là cắt đứt sự ô nhiễm, dứt bỏ được ý tưởng về ‘của ta’ và không còn vướng mắc.

[25K] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã phải tu tập nghĩ tưởng như sau: ‘Sống nơi a lan nhã, hành giả cần phải tùy thuận giới uẩn (śīla-skandha); sống nơi a lan nhã, hành giả cần

phải an trụ trong thiền uẩn (samādhi-skandha); sống nơi a lan nhã, hành giả cần phải tích tập tuệ uẩn (prajña-skandha); sống nơi a lan nhã, hành giả sẽ thành tựu giải thoát uẩn (vimoksa-skandha); sống nơi a lan nhã, hành giả sẽ đạt đến giải thoát tri kiến uẩn (vimokṣa-jñāna-darśna-skandha). Sống nơi a lan nhã, hành giả giữ vững những yếu tố đưa đến sự giác ngộ. Sống nơi a lan nhã, hành giả tu tập được mười hai pháp khổ hạnh. Sống nơi a lan nhã, hành giả quán sát bốn thánh đế. Sống nơi a lan nhã, hành giả thấu rõ năm uẩn. Sống nơi a lan nhã, hành giả thể ngộ cảnh giới của các giác quan (Anh: the realms of the senses, 18 giới?) cũng đồng như pháp giới. Sống nơi a lan nhã, hành giả thanh tịnh hóa các giác quan (Anh: sense-doors). Sống nơi a lan nhã, hành giả không quên lãng tinh túy của sự giải thoát. Sống nơi a lan nhã, hành giả tu tập chánh pháp (Anh: Dharma). Sống nơi a lan nhã, hành giả không hủy hoại thiện căn của chính mình. Sống nơi a lan nhã, hành giả được chư Phật khen ngợi. Sống nơi a lan nhã, hành giả được chư Bồ tát tán thán. Sống nơi a lan nhã, hành giả được các bậc cao quý kính ngưỡng. Sống nơi a lan nhã, hành giả được các người tìm cầu giải thoát nương tựa. Sống nơi a lan nhã, hành giả sống hòa hài với những người tìm cầu sự thông đạt Nhất thiết trí.

[25L] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã sẽ có thể thành tựu sáu ba la mật mà không phải tốn nhiều công sức. Tại sao?”

(1) “Bồ tát sống nơi a lan nhã không quan tâm đến thân mạng, cho nên thành tựu sự tu tập bố thí ba la mật [của những hành giả sống nơi tịch tĩnh].

(2) “Này trưởng giả, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã làm thế nào có thể thành tựu trì giới ba la mật? Này trưởng giả, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã hoàn toàn làm chủ được thân, khẩu và ý bằng cách sống an định trong phẩm hạnh của sự khổ hạnh và tiết chế, cho nên Bồ tát sẽ thành tựu giới ba la mật.

(3) “Này trưởng giả, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã làm thế nào có thể thành tựu tu tập nhẫn nhục ba la mật? Này trưởng giả, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã không có tâm ác đối với mọi loài, mà thường phát khởi tâm từ đối với tất cả, và có thể thuận nhẫn Nhất thiết trí, cho nên sẽ thành tựu nhẫn nhục ba la mật.

(4) “Này trưởng giả, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã làm thế nào có thể thành tựu tu tập tinh tiến ba la mật? Này trưởng giả, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã tu tập nghĩ tưởng như sau: ‘Để có thể đạt được vô sinh pháp nhẫn, ta sẽ không lìa khỏi nơi [a lan nhã] này.’ Như vậy, Bồ tát xuất gia thành tựu tinh tiến ba la mật.

(5) “Này trưởng giả, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã làm thế nào có thể thành tựu tu tập thiền định

ba la mật? Nay trưởng giả, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã hoàn toàn an trụ trong thiền định ba la mật, tuy không dừng dung đối với sự thành thực (cứu độ) hữu tình, nhưng tập trung vào việc tích tập thiện căn. Do đây Bồ tát sẽ thành tựu sự tu tập thiền định ba la mật.

(6) “Nay trưởng giả, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã làm thế nào tu tập thành tựu bát nhã ba la mật? Nay trưởng giả, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã phải tu tập nghĩ tưởng như sau: ‘Thân ta cũng giống như a lan nhã, và đó là sự giác ngộ.’ Và xuyên qua sự tu tập như như (Anh: suchness), Bồ tát không còn khởi lên ý tưởng phân biệt và chia rẽ. Như vậy, Bồ tát sẽ thành tựu tu tập bát nhã ba la mật.

“Nay trưởng giả, bằng cách như vậy, Bồ tát xuất gia sống nơi a lan nhã thành tựu sự tu tập sáu ba la mật mà không cần phải tốn nhiều công sức.

[25M] “Nay trưởng giả, nếu Bồ tát xuất gia có bốn điều kiện sau thì được phép an trú nơi a lan nhã. Bốn điều kiện nào?

(1) “Nay trưởng giả, nếu Bồ tát là bậc đa văn và nhớ rõ những điều mình đã nghe, nếu Bồ tát khéo léo trong việc giảng pháp, nếu Bồ tát nỗ lực chuyên tâm, thành tựu pháp, và tùy thuận pháp, thì Bồ tát đó nên sống nơi a lan nhã.

(2) “Lại nữa, này trưởng giả, nếu Bồ tát xuất gia còn nhiều phiền não thì cần phải sống nơi a lan nhã một mình (không có đồng bạn) để có thể hàng phục phiền não, và Bồ tát cần phải tiêu diệt phiền não.

(3) “Lại nữa, này trưởng giả, một vị Bồ tát xuất gia thành tựu ngũ thần thông cần phải sống nơi a lan nhã để hóa độ các loài trời, rồng, dạ xoa, và càn thát bà.

(4) “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia nào biết được đức Phật cho phép sống nơi a lan nhã thì phải sống nơi a lan nhã, và ở đó Bồ tát sẽ thành tựu tất cả những phạm hạnh. Sau đó, được hộ trì bởi những thiện căn đã được tu tập, Bồ tát nên đi vào làng xóm, thành thị, kinh đô, v.v..., để giảng thuyết Phật pháp.

“Này trưởng giả, nếu Bồ tát xuất gia có đầy đủ bốn điều kiện trên thì được phép sống nơi a lan nhã.

Tiết 26. Hành xử đối với các vị xuất gia khác, và các vị đạo sư.

[26A] “Này trưởng giả, nếu Bồ tát xuất gia [sống nơi a lan nhã] đi đến một pháp hội với mục đích nghe giảng pháp hoặc tụng niệm, Bồ tát nên có thái độ cung kính. Đối với các bậc thầy và giới sư, đối với các bậc thượng tọa, trung tọa và hạ tọa, Bồ tát nên hành xử lễ độ và nhã nhặn. Bồ tát không nên tỏ ra

yếu đuối (Anh: lackadaisical), mà phải có thái độ tự tin, và không nên gây phiền toái cho kẻ khác. Bồ tát không mong cầu sự phục dịch, mà nên tự phản tỉnh như thế này: ‘Nên giống như đức Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri – Ngài là bậc được tất cả chúng sinh trên thế gian, bao gồm tất cả chư thiên, Ma vương, Phạm vương, Đế Thích, sa môn và bà la môn, và tất cả trời, người, và a tu la cung kính cúng dường, mà Ngài còn không đòi hỏi những sự phục vụ của bất cứ chúng sinh nào, huống chi [chúng] ta là những kẻ chưa học và vẫn còn mong cầu học hỏi? Vả lại, ta phải nên phục vụ tất cả hữu tình, và không nên đòi hỏi bất cứ ai phục vụ cho mình.’

[26B] “Tại sao? Này trưởng giả, người xuất gia nào mong cầu sự phục dịch [của chúng sinh] hoang phí những công đức [tu tập] mà họ đã tích tụ, và những người bị [người xuất gia] làm cho phải chú ý sẽ nghĩ rằng: ‘Vị ấy làm chúng ta chú ý là để chúng ta phục dịch, chứ không phải vì Phật pháp.’ Và họ sẽ đánh mất lòng tin. Những người nào đem vật chất thế gian để phục vụ [người xuất gia đó] sẽ không được lợi ích lớn hoặc quả báo lớn. Và ngay khi Bồ tát xuất gia đi đến vị đạo sư [của mình] hoặc giới sư, Bồ tát nên nghĩ rằng: ‘Nếu vị đạo sư nhận rõ [dù chỉ một ít] sự thiếu lòng tin của ta, vị ấy sẽ không làm lợi ích cho ta bằng những sự giảng thuyết, tụng niệm, hoặc dạy dỗ.’ Sau khi nghĩ như vậy, Bồ tát cần phải [thân ý] tỏ ra nhu nhuyển, và có một tâm tùy thuận. Vì muốn nghe được những lời giảng dạy và tụng niệm,

Bồ tát cần phải không quan tâm đến thân mạng. Vì muốn cầu pháp, Bồ tát cần phải thỏa mãn những yêu cầu của vị đạo sư và giới sư. Vì muốn thành tựu phạm hạnh, Bồ tát không nên mong cầu lợi lộc, sự trọng vọng, hoặc danh dự.

[26C] “Này trưởng giả, nếu một Bồ tát mong cầu sự chỉ dạy, hoặc tham gia trong những buổi tụng niệm, hoặc nghe hoặc thấu nhận lời giảng giải, hoặc học được một bài kệ bốn câu quan hệ đến bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định và trí tuệ, [với từ bi hỷ xả] hoặc với phương tiện tu tập Bồ tát đạo, v.v..., Bồ tát phải nên tín ngưỡng vị đạo sư mà mình đã học được chánh pháp. Trong số kiếp bằng như số chữ (Anh: word), vần (Anh: syllable), và tự mẫu (Anh: letter) trong những bài kệ đó, Bồ tát phải nên tôn kính và hầu hạ vị đạo sư của mình với tất cả tài vật, sự tôn thờ, và kính ngưỡng. Này trưởng giả, nếu như Bồ tát thiếu sót trong sự kính ngưỡng đối với bậc đạo sư, thì làm sao có thể nỗ lực hộ trì Phật pháp!

[26D] Này trưởng giả, nếu Bồ tát, từ sự khai thị của vị đạo sư, phát khởi lòng tin tu tập, đọc tụng những gì mà mình đã nghe được về công đức, hoặc liên quan đến Phật pháp tăng, hoặc liên quan đến sự xa lìa, lo buồn và tham muốn, hoặc liên quan đến sự thanh tịnh, trì giới và tu định, này trưởng giả, thì Bồ tát đó [để trả ơn] dù phục vụ cho vị đạo sư của mình trong nhiều đời, nhiều kiếp, cũng không thể

đền đáp trọn vẹn [công ơn của vị đạo sư]. Đây là trưởng giả, sự thành tựu Phật pháp và trí tuệ mà Bồ tát đó đã đạt được là vô lượng vô biên. Đây là trưởng giả, trong trường hợp này Bồ tát nên nghĩ rằng: “Bởi vì ta đã hỏi [vị đạo sư] về vô lượng pháp để tu tập thành tựu, và vô lượng trí tuệ [để được giác ngộ, như vậy, công đức của] vị đạo sư của ta cũng là vô lượng vô biên”, và như thế, Bồ tát phải nên dâng lên lòng tôn kính và cúng dường vô lượng vô biên đến vị đạo sư của mình.

Tiết 27. Giới pháp thanh tịnh của Bồ tát xuất gia.

[27A] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia cần phải an trụ trong sự thành tựu của bậc xuất gia. Đây là trưởng giả, Bồ tát xuất gia làm thế nào để an trụ trong sự thành tựu của bậc xuất gia? Đây là trưởng giả, khi Bồ tát xuất gia nghe đến trì giới thanh tịnh, vị ấy phải tự mình tu tập trì giới. Có bốn giới pháp thanh tịnh. Bốn pháp nào? Đó là (1) an trụ trong truyền thống của bậc thánh, (2) an lạc trong sự tu tập khổ hạnh và tiết chế, (3) không thân cận với hàng tại gia và xuất gia khác, và (4) sống nơi a lan nhĩ với tâm chân thật (Anh: without hypocrisy). Đây là bốn giới pháp thanh tịnh.

[27B] “Lại nữa, này trưởng giả, có bốn giới pháp thanh tịnh. Bốn pháp nào? Đó là (1) thúc liễm thân nghiệp mà không nghĩ tưởng (Anh: imagining) đến

cái thân²⁴, (2) thúc liễm lời nói mà không nghĩ tưởng đến lời nói, (3) thúc liễm tâm ý mà không nghĩ tưởng đến tâm ý, và (4) xa lìa kiến chấp, khởi tâm Nhất thiết trí. Đây là bốn giới pháp thanh tịnh.

27C “Lại nữa, này trưởng giả, có bốn giới pháp thanh tịnh. Bốn pháp nào? Đó là (1) trừ bỏ chấp trước sự vật là ‘ta’, (2) trừ bỏ chấp trước sự vật là ‘của ta’, (3) trừ bỏ đoạn kiến hoặc thường kiến, và (4) hiểu rõ pháp nhân duyên.

[27D] “Lại nữa, này trưởng giả, có bốn giới pháp thanh tịnh. Bốn pháp nào? Đó là (1) quán sát các uẩn sinh khởi và diệt tận, (2) quán sát cảnh giới của các căn (Anh: senses) tương đồng với pháp giới, (3) quán sát các nhập (Anh: sense-door) giống như tụ lạc trống không (Anh: an empty city), và (4) không thiên lệch giả danh (Anh: provisional designation). Đây là bốn giới pháp thanh tịnh.

[27E] “Lại nữa, này trưởng giả, có bốn giới pháp thanh tịnh khác. Bốn pháp nào? Đó là (1) do khái niệm ngã không phải là ngã, từ bỏ sự ca ngợi chính mình; (2) do không chấp vào một ‘cái khác’, xa lìa sự oán trách kẻ khác; (3) do sự thanh lọc thấu đáo tâm thức, không còn sự tự phụ (Anh: conceit); và

²⁴ Bản (AH): “không có sự chướng ngại (Hán: quái ngại) của thân”, bản (TPH) và bản (KTK): “không đạt được một cái thân”, và tương tự cho lời nói và tâm ý. Sự khác biệt lớn lao này có thể là do sự nhầm lẫn trong các bản kinh Ấn độ.

(4) do đặc tánh đồng nhất của các pháp, tâm không còn dao động (Anh: unwavering).

[27F] “Lại nữa, này trưởng giả, có bốn giới pháp thanh tịnh khác. Bốn pháp nào? Đó là (1) liễu ngộ tánh không, (2) không sợ hãi vô tướng, (3) khởi lòng đại bi đối với tất cả chúng sanh, và (4) có thể an nhẫn trong pháp vô ngã. Đây là bốn giới pháp thanh tịnh.

Tiết 28: Thiền định thanh tịnh của Bồ tát xuất gia.

“Lại nữa, này trưởng giả, khi Bồ tát xuất gia nghe được tam muội thanh tịnh, thì phải nỗ lực tu tập thiền định. Thế nào là tam muội hoàn toàn thanh tịnh? Đó là không cần phải nỗ lực trong tất cả các pháp, xa lìa nhị biên (Anh: dualism), bởi vì [hiểu rõ] sự đồng nhất của các pháp; đạt được tâm thiện xảo (Anh: dextrous mind), tâm chuyên chú, tâm dũng mãnh, tâm không tán loạn, tâm không dao động, và tâm không trụ bất cứ nơi nào; tâm an trụ trong thiền định, có thể kiểm soát tâm mình; tâm không dính mắc vào đối tượng khả ái, và đạt được tâm liễu ngộ tất cả đều như huyễn. Giống như pháp giới không bị ô nhiễm, bất sanh, bất khởi, có đặc tánh đồng nhất, và như vậy, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia quán sát tam muội thanh tịnh.

Tiết 29. Trí tuệ thanh tịnh của Bồ tát xuất gia.

[29A] “Lại nữa, này trưởng giả, khi Bồ tát xuất gia nghe được trí tuệ thanh tịnh, thì phải nỗ lực tu tập [trí tuệ]. Thế nào là trí tuệ thanh tịnh? Bồ tát cần phải quán xét thấu đáo [về trí tuệ] như sau. Đó là (1) trực nhận tất cả các pháp, (2) biết cách nào để thấu rõ (Anh: discern) chúng, (3) biết cách nào thâm nhập kiến giải đặc thù (Anh: special knowledge), và (4) biết cách khiến cho chúng sanh hiểu rõ Phật pháp. Này trưởng giả, bằng cách này, Bồ tát xuất gia phân tích (Anh: analyze) trí tuệ thanh tịnh.

[29B] “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát xuất gia tu tập tướng nghĩ như sau, ‘bởi vì trí tuệ không có thân, cho nên không bị trệ ngại (Anh: unimpeded). Bởi vì trí tuệ vô sanh, cho nên không có chỗ an trụ. Bởi vì trí tuệ thể tánh như hư không, cho nên không bị tạo tác (Anh: uneffected). Này trưởng giả, bằng cách này, Bồ tát xuất gia tu tập suy tư (Anh: contemplation) về các pháp.’”

Tiết 30. Trưởng giả Úc Già và đồng bạn thọ giới (phần 2)

[30A] Khi đức Thế tôn giảng kinh này xong, một trăm ngàn chúng sanh phát tâm Vô thượng bồ đề. Tất cả các trưởng giả đều chứng được vô sanh pháp

nhẫn, và ba mươi hai ngàn chúng sanh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh.

[30B] {Lúc ấy, trưởng giả Úc Già và các trưởng giả khác đồng thanh nói rằng: “Thật chưa từng có, bạch đức Thế tôn, hôm nay đức Như lai giảng thuyết một cách tuyệt vời về những xấu ác của đời sống tại gia, và cũng nói về những công đức của sự từ bỏ gia đình [để trở thành Bồ tát xuất gia]. Bạch đức Thế tôn, hiện nay ngài đã trình bày rõ ràng những tệ ác của đời sống tại gia, và vô lượng công đức của sự xa lìa đời sống thế tục, xin ngài cho phép chúng con được thọ nhận giới pháp của bậc xuất gia, và đạt được phẩm hạnh của một vị tu sĩ!” Đức Thế tôn trả lời: “Này trưởng giả, lìa xa đời sống tục gia rất là khó khăn. [Các] ông cần phải trở nên rất thanh tịnh, [thâu nhận và giữ gìn giới pháp].” Các trưởng giả lại bạch đức Thế tôn: “Bạch đức Thế tôn, đời sống xuất gia có thể rất khó khăn và nặng nhọc, nhưng mặc dù như vậy, xin đức Thế tôn cho phép chúng con xa lìa đời sống tục gia để tu tập đạo pháp.”

Lúc ấy, đức Thế tôn bảo ngài Bồ tát Di Lặc và Bồ tát Chư Hạnh Thanh Tịnh truyền giới xuất gia cho các vị trưởng giả. Bồ tát Di Lặc truyền giới cho hai trăm vị trưởng giả, còn Bồ tát Chư Hạnh Thanh Tịnh truyền giới cho ba trăm vị trưởng giả xuất gia tu tập đạo pháp.}²⁵

²⁵ Đoạn này chỉ có trong bản [AH].

Tiết 31. Bồ tát tại gia làm thế nào để sống đời sống của bậc xuất gia.

[31A] Lúc ấy, trưởng giả Úc Già vui mừng hơn hở, cúng dường đức Thế tôn hai tám y giá trị một trăm ngàn [đồng tiền vàng], và bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế tôn, đây là thiện căn của con xin bố thí tất cả chúng sanh. Do thiện căn này của con, nguyện cho tất cả Bồ tát tại gia thành tựu tất cả những sự tu tập dành cho hàng Bồ tát tại gia, và nguyện tất cả Bồ tát xuất gia thành tựu tất cả sự tu tập mà đức Thế tôn đã giao phó cho hàng Bồ tát xuất gia. Nay có một điều con muốn xin hỏi. Bạch đức Thế tôn, có bao nhiêu pháp mà Bồ tát tại gia cần phải tu tập nếu họ muốn tu tập theo hạnh của bậc xuất gia?”

[31B] Sau khi trưởng giả hỏi xong, đức Thế tôn trả lời trưởng giả Úc Già như sau: “Này trưởng giả, nếu Bồ tát tại gia có năm pháp, thì họ có thể tu tập giới pháp của bậc xuất gia. Năm pháp nào?”

(1) “Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia bố thí tất cả mà không luyến tiếc. Do tâm tương ưng với Nhất thiết trí, Bồ tát sống tại gia không mong cầu quả báo [của sự bố thí].

(2) “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát tại gia sống thanh tịnh trong sự tiết dục (Anh: celibacy). Bồ tát tại gia không nghĩ tưởng đến sự dâm dục, hưởng hồ

là tham dự trong việc hành dục, hoặc dính mắc vào sự luyến ái nam nữ?

(3) “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia, chưa có kinh nghiệm về sự tu tập đúng hay sai, nên đi đến nơi vắng vẻ (Anh: an empty house, một căn nhà trống) và tập trung vào sự tu tập tứ thiền (Anh: four dhyanas).

(4) “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia nỗ lực tu tập khiến cho tất cả chúng sanh được an lạc. Bồ tát nỗ lực thành tựu sự tu tập trí tuệ ba la mật (Anh: perfection of insight).

(5) “Lại nữa, này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia hộ trì chánh pháp (Anh: True Dharma) và khiến cho mọi người cũng tu tập chánh pháp.

“Này trưởng giả, Bồ tát sống tại gia nào có đủ năm pháp này thì có thể tu tập giới pháp của bậc xuất gia.”

Lúc ấy, trưởng giả Úc Già bạch Phật như sau: “Bạch đức Thế tôn, con nguyện sẽ tu tập theo lời dạy của Phật. Con sẽ tu tập giới pháp của bậc xuất gia, và như vậy, con sẽ thâm nhập vào sự đồng nhất của các pháp.”

Tiết 32: Đối thoại với ngài A nan.

[32A] Lúc bấy giờ, đức Thế tôn bèn mỉm cười. Theo lệ thường, bất cứ khi nào đức Phật mỉm cười, thì sẽ có một luồng ánh sáng nhiều màu phóng ra từ miệng của ngài (các màu như xanh, vàng, đỏ, trắng, vàng cam, pha lê và bạc), và toàn thể thế giới được bao phủ bởi ánh sáng này. Sau khi ánh sáng chiếu đến cõi trời Phạm thiên bèn quay về, xoay quanh đức Thế tôn ba vòng, và sau đó tan biến vào trong đỉnh đầu (Anh: uṣṇīṣa) của ngài.

[32B] Lúc ấy, do thần lực của đức Phật, ngài A nan bèn rời chỗ ngồi, vén y bày vai bên phải, quỳ gối bên phải, chắp tay hướng về đức Phật và bạch rằng: “Bạch đức Thế tôn, không phải không có lý do, không phải không có duyên có để đức Như lai mỉm cười. Hiện nay, vì lý do gì mà đức Như lai lại mỉm cười?” Sau khi ngài A nan hỏi xong, đức Thế tôn bèn trả lời ngài A nan như sau: “Này A nan, ông có thấy trưởng giả Úc Già cúng dường cho đức Như lai và đã phát thệ nguyện sư tử hống để thành tựu chánh pháp?” Ngài A nan trả lời: “Bạch đức Thế tôn, con có thấy. Bạch đức Thiện thệ, con đã thấy!” Kế đến, đức Thế tôn nói với ngài A nan: “Này A nan, trưởng giả Úc Già sẽ hộ trì tất cả các đức Như lai trong Hiền kiếp này. Ông ấy sẽ thờ phượng chư Phật với tất cả lòng tôn kính và ngưỡng mộ. Và ông ấy sẽ hộ trì chánh pháp. Mặc dù trưởng giả Úc Già sẽ tiếp tục sống đời tại gia, ông ấy sẽ tu tập giới pháp của bậc xuất gia, và sẽ khiến cho Bồ đề của đức Như lai được truyền bá rộng rãi.”

[32C] Lúc ấy, ngài A nan hỏi trưởng giả Úc Già như sau: “Thưa trưởng giả, vì lý do nào, vì duyên có gì mà trưởng giả vui thích an trú trong bụi bặm của đời sống gia đình (Anh: dwelling in the dust of the household)?” Trưởng giả Úc Già trả lời: “Thưa ngài A nan, không có bụi bặm nào hết. Vì lòng đại bi, tôi không mong cầu sự an lạc của chính mình. Thưa ngài A nan, Bồ tát nhận chịu tất cả phiền não gây ra bởi sự thống khổ, và không xả bỏ hữu tình.”

[32D] Khi trưởng giả nói lời ấy xong, đức Thế tôn bảo ngài A nan như sau: “Ông có thấy trưởng giả Úc Già không?” Ngài A nan trả lời: “Bạch đức Thế tôn, con có thấy.” “Này A nan, trong khi sống tại gia, trưởng giả Úc Già sẽ thành thực rất nhiều hữu tình [khiến họ trở thành Bồ tát xuất gia] trong Hiền kiếp này. Một vị Bồ tát xuất gia trong trăm ngàn kiếp cũng không làm được như thế²⁶. Vì sao? Trong hàng ngũ của một ngàn Bồ tát xuất gia, ông cũng không thể tìm được những đức hạnh giống như trưởng giả Úc Già này.”

Tiết 33. Đề tựa của kinh.

[33A] Lúc ấy, ngài A nan bạch đức Thế tôn như sau: “Bạch đức Thế tôn, kinh này tên gọi là gì? Chúng

²⁶ Nghĩa là không thể độ được nhiều Bồ tát xuất gia như trưởng giả Úc Già.

con phải nên thọ trì cách nào?” Đức Thế tôn trả lời: “Này A nan, kinh này tên gọi là Nghi Vấn Của Trưởng Giả Úc Già, cũng có tên là Sự Tu Tập Thành Tựu Của Bồ Tát Tại Gia Và Bồ Tát Xuất Gia, cũng có tên là Kiên Quyết Tôn Trọng Sự Trưởng. Này A nan, người nào được nghe xong kinh điển này, sẽ đạt được phẩm hạnh, dũng mãnh (Anh: stamina), và nhiều đặc tánh (pháp) của Bồ tát; còn những người không tinh tấn tu tập kinh này, dù có tu tập tiết dục (Anh: celibacy) trong một trăm kiếp, cũng không thể thành tựu. Cho nên, này A nan, người nào muốn nỗ lực tinh tấn và thúc đẩy người khác tinh tấn, và những người mong muốn an trụ trong sự đồng nhất của tất cả các pháp (Anh: dharma-qualities), thì cần phải nghe kinh điển này, hiểu rõ, đọc tụng, giảng thuyết rộng rãi đến những người khác. Này A nan, ta nay phó chúc cho ông bộ kinh này, để cho nó được truyền bá rộng rãi. Tại sao? Vì những điều mà đức Như lai giảng dạy trong kinh này đều là tập hợp của những phẩm hạnh tốt.

[33B] “Này A nan, Bồ tát nào không lìa xa kinh điển này sẽ không bị khước từ (Anh: deprived) việc thấy được sự hiển hiện của chư Phật. Này A nan, Bồ tát nào lắng nghe, nhớ nghĩ và đọc tụng kinh điển này, không bị khước từ việc thấy được sự hiển hiện của tất cả chư Phật và sự thấy được chư Phật. Vì sao? Bởi vì kinh điển này tập hợp những phẩm hạnh mà đức Như lai đã giảng dạy, và kinh điển này cũng tập hợp tất cả những pháp tu tập để thành tựu đạo quả.

[33C] “Này A nan, dù cho cả tam thiên đại thiên này tràn ngập lửa lớn, có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào tìm cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng nên vượt qua lửa lớn để được lắng nghe và thấu rõ kinh điển này. Này A nan, thay vì cúng dường vị đạo sư của mình trên bảo đầy ngập cõi tam thiên đại thiên, thiện nam tử thiện nữ nhân đó nên lắng nghe và thấu rõ kinh điển này.

[33D] “Này A nan, nếu như một Bồ tát sùng bái tháp miếu của chư Phật Thế tôn đời quá khứ, cúng dường đủ loại trên bảo, cung kính, lễ lạy, và trong đời hiện tại, chung thân thừa sự cúng dường đức Phật Thế tôn và tăng đoàn Thanh văn đầy đủ tất cả nhu cầu, và đồng thời lập nguyện thừa sự cúng dường đầy đủ và tu tập với tất cả chư Phật và Bồ tát trong đời vị lai, nhưng nếu như [Bồ tát đó] chưa thọ trì, ghi nhớ, đọc tụng, thấu hiểu, và tu tập kinh điển này, này A nan, Bồ tát đó chưa phải là người chân thật cúng dường chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.

[33E] “Này A nan, nếu có Bồ tát [vì muốn cho chánh pháp được trường tồn, khiến cho dòng dõi chư Phật không bị đoạn tuyệt,] lắng nghe, và thấu hiểu kinh điển này, đồng thời giảng nói rộng rãi cho những chúng sanh khác, và tu tập thành tựu kinh điển này, này A nan, vị Bồ tát đó là người có thể chân thật cúng dường thừa sự chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại.”

Tiết 34. Phản ứng của đại chúng.

Khi đức Thế tôn nói kinh này xong, ngài A nan và trưởng giả Úc Già, chư tăng và Bồ tát, cùng toàn thể đại chúng trời, người, a tu la và càn thất bà, hoan hỷ vui mừng, tán thán lời dạy của đức Thế tôn.

Tiết 35. Lời kết.

Hội thứ Mười chín, Nghi Vấn Của Trưởng Giả Úc Già, trích từ bộ Kinh Đại Bảo Tích [có một trăm ngàn bài kệ] đã hoàn tất. Bản kinh này có chín trăm bài kệ, chia làm ba phần, được phiên dịch bởi đạo sư Ấn độ Surendrabodhi và nhà phiên dịch uyên bác Zang Ya-shes-sde; đã được chỉnh sửa chính xác theo ngôn ngữ mới và ghi chép lại.

Hết